

- Điều kiện tiên quyết gồm:

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo; đồng thời, có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật đúng đắn.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật trong học phần.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các sự kiện pháp lý, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, tổ tụng dân sự.	Kiến thức
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp để hoàn thành các nhiệm vụ.	Kỹ năng
CLO4	Thực hiện được kỹ năng áp dụng các kiến thức về lý luận, về các quy phạm pháp luật của các ngành luật đã học để phân tích, bình luận, giải quyết các vấn đề pháp lý thông dụng.	Kỹ năng
CLO5	Ham học hỏi, có ý thức pháp luật, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.2. Đặc trưng của nhà nước 1.3. Bản chất, chức năng của nhà nước 1.4. Kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử 1.5. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.6 Nhà nước pháp quyền và quyền con người	6	1	20	CLO1	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1, 2, 4 giáo trình chính
2	Chương 2: NHỮNG VẤN	10	3	25	CLO1,	Thuyết	[1];	Đọc

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1 Nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm pháp luật 2.2 Bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật 2.3. Hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật 2.4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý				CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	giảng; thảo luận nhóm;	[2]; [3]; [4]; [5].	chương 3, 4, 5, 6, 8, 17 giáo trình chính
3	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ 3.1 Những vấn đề chung về Luật Dân sự 3.2. Một số chế định chủ yếu của ngành Luật Dân sự 3.2.1. Tài sản và quyền sở hữu 3.2.2. Thừa kế 3.2.3 Hợp đồng dân sự 3.2.4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	7	5	25	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính; Bộ luật dân sự 2015
4	Chương 4: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 4.1. Khái quát chung 4.2. Những nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình 4.2.1. Kết hôn 4.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng 4.2.3 Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 4.2.4. Chấm dứt hôn nhân	2	1	12	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Luật Hôn nhân và gia đình và VBQPPL có liên quan
5	Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Đối tượng điều chỉnh 5.1.2. Phương pháp điều	3	2	13	CLO2; CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	chính của Luật Lao động 5.2 Một số chế định cơ bản - Kiểm tra					Báo cáo chuyên đề.		luật Lao động 2019
6	Chương 6: PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG DÂN SỰ 6.1. Khái niệm và nguyên tắc của Luật tổ tụng dân sự Việt Nam 6.2. Chủ thể của Luật tổ tụng dân sự 6.3. Thẩm quyền của Tòa án 6.4. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự Chương 7:	2	2	10	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật phòng chống tham nhũng và
	LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG Ôn tập+ giải đáp							các VBQPPL liên quan

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý luận và pháp lý để giải quyết các bài tập, tình huống tại lớp	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm 5-7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ *Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):*

(1) Đào Trí Úc và Hoàng Thị Kim Quế. 2023. Giáo trình đại cương về nhà nước và pháp luật, NXB. ĐHQG Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Lê Minh Toàn. 2023. Giáo trình pháp luật đại cương, NXB. CTQG Sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm hoặc/và tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm [3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO10									
	PLO9									
	PLO8									
	PLO7									
	PLO6									
	PLO5									
	PLO4									
	PLO3									
CLO1	PLO1	R								

CLO2	R									
CLO3							R			
CLO4							R			
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			
Bài tập tự học			X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được	Làm được đúng các	Làm được đúng các câu	Làm được đúng các câu	Làm được đúng các câu

	các câu hỏi kiến thức cơ bản	câu hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
--	------------------------------------	--------------------------------	--	---	--

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Kinh doanh

Tên học phần (tiếng Anh): Business law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 020910
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 - Chương trình tích hợp
- Học phần thuộc ngành: tất cả các chuyên ngành.
- Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành (bắt buộc)

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm: Không
- Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Kinh doanh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Đặc thù của tất cả các chuyên ngành tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. Nội dung học phần tập trung cung cấp những kiến thức tổng quan về Luật Kinh doanh, pháp luật điều chỉnh quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh (gồm hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã); pháp luật về tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp; pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; pháp luật về chấm dứt hoạt động kinh doanh bằng hình thức phá sản và pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng tìm kiếm và áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động

kinh doanh; hình thành ý thức tôn trọng và thực hiện tốt pháp luật kinh doanh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các kiến thức lý luận và kiến thức pháp lý cơ bản về chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Luật Kinh doanh.	Kiến thức
CLO3	Xác định được các vấn đề pháp lý của vụ việc kinh doanh cụ thể.	Kỹ năng
CLO4	Áp dụng đúng các quy phạm pháp luật để giải quyết vụ việc kinh doanh cụ thể.	Kỹ năng
CLO5	Thực hiện công việc độc lập hoặc theo nhóm và thể hiện trách nhiệm cá nhân đối với kết quả, sản phẩm hoạt động của cá nhân, của nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LUẬT KINH DOANH 1.1. Khái niệm về Luật Kinh doanh 1.2. Các loại văn bản pháp luật trong hoạt động kinh doanh 1.3. Vai trò của Luật Kinh doanh trong nền kinh tế thị trường	02		04	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[1] [3] [4] [5]	Đọc chương 1 giờ trình chính
2	CHƯƠNG 2. CHỦ THỂ KINH DOANH 2.1. Hộ kinh doanh 2.2. Doanh nghiệp 2.3. Hợp tác xã	12	06	45	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; hỏi-đáp; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1, 2 giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3. HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH	09	05	40	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, lắng nghe,	[1] [2] [3]	Đọc chương 3 giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	3.1. Sơ lược về pháp luật điều chỉnh hợp đồng ở Việt Nam 3.2. Khái niệm - Đặc điểm - Phân loại hợp đồng trong kinh doanh 3.3. Giao kết hợp đồng trong kinh doanh 3.4. Thực hiện hợp đồng 3.5. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng 3.6. Hợp đồng vô hiệu 3.7. Trách nhiệm vật chất và chế tài trong quan hệ hợp đồng 3.8. Một số hợp đồng thông dụng trong kinh doanh				CLO4 CLO5	đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[4] [5]	trình chính
4	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ 4.1. Khái quát về phá sản 4.2. Pháp luật về phá sản ở Việt Nam	03	02	08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
5	CHƯƠNG 5. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH 5.1. Tranh chấp trong kinh doanh và các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh: 5.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua Trọng tài thương mại và Tòa án	04	02	08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 4 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,...hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành.	Giáo trình chính Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính)

(1) Phạm Thị Huyền Sang.2023. Giáo trình Luật Kinh tế, Nxb. Đại học Vinh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

(1) Nguyễn Thị Dung.2022. Luật Kinh tế, Nxb. Tư pháp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chăm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chăm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
		Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				I						
CLO2				I						
CLO3								R		
CLO4								R		
CLO5										R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X			
Tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khá và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sơn

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt Sương	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907770148
Email: phamsuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Anh): Financial and Monetary theory

Tên học phần (tiếng Việt): Tài chính – Tiền tệ

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: **020909 + 020041**
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 00
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 45 Thực hành: 00
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa quản lý học phần: Tài chính – Ngân hàng
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm 2, chương trình tích hợp.
- Học phần thuộc ngành: Tài chính – Ngân hàng
- Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐			Ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học vi mô.

Học phần song hành: Không

2. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Tài chính - Tiền tệ là học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính và tiền tệ. Học phần tích hợp các yếu tố khoa học, hiện đại và thực tiễn làm nền tảng cho các khóa học chuyên ngành kinh tế nâng cao, đặc biệt cho sinh viên chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của hệ thống tài chính và các chủ thể trong hệ thống tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính các trung gian tài chính cũng như tài chính quốc tế cũng như mối quan hệ giữa các chủ thể trong bối cảnh về kinh tế vĩ mô. Từ đó người học có cơ hội lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế. Hơn nữa, quá trình học tập sẽ giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ kỹ thuật bằng tiếng Anh, điều này sẽ có lợi cho việc hiểu các môn học chuyên môn được dạy bằng tiếng Anh trong tương lai.

3. Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức liên quan đến lý luận kinh tế cơ bản để người học hiểu được các vấn đề liên quan đến phạm trù tài chính và tiền tệ; Nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù tiền tệ như lãi suất, lạm phát, tỷ giá, ... và các định chế liên quan đến quá trình lưu thông tiền tệ như ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương; Nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù tài chính gồm công cụ, định chế và các chủ thể trong hệ thống tài chính, ... Từ đó, học phần có thể hỗ trợ người học đưa ra quyết định cơ bản liên quan đến đầu tư như tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; So sánh các cơ hội đầu tư; So sánh giữa lợi ích và rủi ro; Đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản trên các tín hiệu thị trường. Kỳ vọng, người học có kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể trở thành những người thông thái và có thể nhận định, phân tích và ra quyết định liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nhận định được và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù tiền tệ như lãi suất, lạm phát, tỷ giá, ... và các định chế liên quan đến quá trình lưu thông tiền tệ như ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương.	Kiến thức
CLO2	Nhận định được và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù tài chính gồm công cụ, định chế và các chủ thể trong hệ thống tài chính.	Kiến thức
CLO3	Thực hành được các bài tập về lãi cơ bản tính các loại lãi suất của các công cụ cơ bản, tỷ suất sinh lời, ... và thực hành được ở mức độ cơ bản các vấn đề liên quan đến cơ hội và chi phí đầu tư.	Kỹ năng
CLO4	Học tập một cách chủ động, độc lập, tự tin đưa ra những ý kiến của mình, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm
CLO5	Kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

5. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 1	Tổng quan về tiền tệ	3	1	10	CLO1	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
Chương 2	Lạm phát	4	1	10	CLO1; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 2 giáo trình chính, làm bài thảo luận nhóm
Chương 3	Lãi suất	3	2	15	CLO1; CLO4	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 3 giáo trình chính
Chương 4	Ngân hàng thương mại	4	1	10	CLO1; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 4 giáo trình chính.
Chương 5	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	4	1	10	CLO1; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 5 giáo trình chính
Chương 6	Hệ thống tài chính	5	1	15	CLO2; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 6 giáo trình chính
Chương 7	Tài chính doanh nghiệp	4	1	10	CLO2; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 7 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
Chương 8	Tài chính quốc tế	4	1	10	CLO2; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 8 giáo trình
Chương 9	Tài chính công	4	1	10	CLO2; CLO4; CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5]	Đọc chương 10 giáo trình chính.

6. Phương pháp dạy – học

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày	Chủ đề thảo luận thuộc các chương trong chương trình, giáo trình chính
3	Báo cáo bài tập nhóm	Phân nhóm, từng nhóm phân chia công việc và nộp sản phẩm: báo cáo	Chủ đề báo cáo thuộc các chương trong chương trình

✚ Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi.
- Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, trình bày.
- Nghiên cứu tài liệu, làm bài tập tình huống.
- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm với số lượng sinh viên phù hợp, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7. Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy

- (1) Bộ môn Tài chính -Tiền tệ và Bảo hiểm, Khoa Tài chính – Ngân hàng. *Bài giảng Tài chính – tiền tệ.*

(2) Mishkin, F. (2019). *The Economics of Money, Banking and Financial Markets, 12th Edn*, Pearson.

(3) Mishkin, F. and Eakins, S. (2018). *Financial Markets & Institutions, 9th Edn*, Pearson

❖ **Tài liệu hướng dẫn tự học**

- Tiếng Việt

(1) Trần Thị Thanh Nga (2024) và các cộng sự, *Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB Tài chính

- Tiếng Anh

(1) Glen Arnorld (2013). *Essentials of Corporate Financial Management*, Pearson.

(2) David Hyman (2010). *Public Finance*, Cengage learning.

(3) Jeff Madura (2015). *Thị trường tài chính*, NXB Cengage.

8. Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Tìm tài liệu và nghiên cứu tài liệu	Bài kiểm tra/vấn đáp nội dung tự học	Đặt câu hỏi và trả lời trong quá trình học trên lớp.
Chuẩn bị bài báo cáo	Chăm bài báo cáo	Bài báo cáo

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm [2] Hoặc Bài tập nhóm [3] Hoặc Thuyết trình nhóm [4]	40%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm [2] Hoặc tự luận [5]	50%

9. Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R				R			
CLO2			R				R			
CLO3			R							
CLO4									R	
CLO5										R

9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng, lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	X	X	X		
Thảo luận nhóm, phân chia nhóm, trao đổi			X	X	X
Báo cáo bài tập nhóm					X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thảo luận nhóm, phân chia nhóm, trao đổi	X	X	X		
Trắc nghiệm	X	X	X		
Bài tập nhóm	X	X	X	X	X
Tự luận	X	X	X		

10. Các rubric/Thang điểm đánh giá

Rubric 1. Đánh giá trắc nghiệm/tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

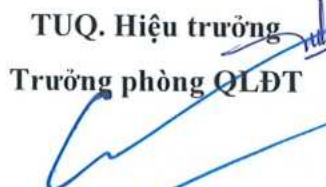
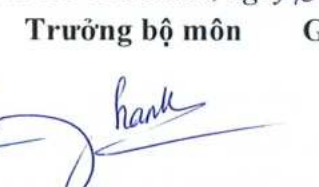
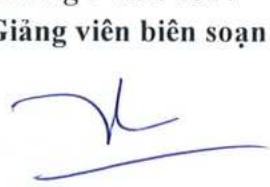
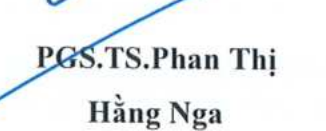
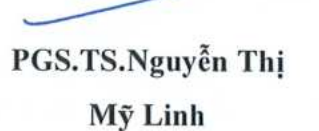
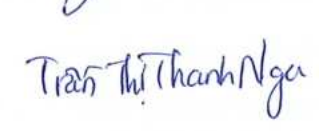
Rubric 2. Bài thuyết trình nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị, đề xuất	Kém (0-3,9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4,0-5,4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5,5-6,9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7,0-8,4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8,5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Rubric 3. Báo cáo bài tập nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3,9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4,0-5,4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5,5-6,9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7,0-8,4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8,5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng  Trưởng khoa  Trưởng bộ môn  Giảng viên biên soạn 
 Trưởng phòng QLĐT  PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga  PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh  Trần Thị Thanh Nga  Chu T. Thanh Trang

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Chu Thị Thanh Trang	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0978.828.205
Email: trangtcnh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng): trangtcnh@ufm.edu.vn	

Họ và tên: Hoàng Tôn Thanh Uyên	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0914.160.169
Email: uyentt.hoang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng) : uyentt.hoang@ufm.edu.vn	

Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Linh (82)	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0933324233
Email: nguyenlinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng): nguyenlinh@ufm.edu.vn	

Họ và tên: Đỗ Mạnh Thắng	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0333.402.123
Email: dmthang@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng): dmthang@ufm.edu.vn	

Họ và tên: Mai Bảo Ngọc	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0983.256.943
Email: mbngoc@ufm.edu.vn	Trang web: https://khoataichinhnganhang.ufm.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng): mbngoc@ufm.edu.vn	

- Mã số học phần: 010637
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế- Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1-Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: tất cả các ngành
- Học phần thuộc khối kiến thức: đại cương

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học hiểu được những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo; đồng thời, có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật đúng đắn.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật trong học phần.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các sự kiện pháp lý, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, tổ tụng dân sự.	Kiến thức
CLO3	Thực hiện được các kỹ năng tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp để hoàn thành các nhiệm vụ.	Kỹ năng
CLO4	Thực hiện được kỹ năng áp dụng các kiến thức về lý luận, về các quy phạm pháp luật của các ngành luật đã học để phân tích, bình luận, giải quyết các vấn đề pháp lý thông dụng.	Kỹ năng
CLO5	Ham học hỏi, có ý thức pháp luật, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.2. Đặc trưng của nhà nước 1.3. Bản chất, chức năng của nhà nước 1.4. Kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử 1.5. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.6 Nhà nước pháp quyền và quyền con người	6	1	20	CLO1	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1, 2, 4 giáo trình chính
2	Chương 2: NHỮNG VẤN	10	3	25	CLO1,	Thuyết	[1];	Đọc

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1 Nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm pháp luật 2.2 Bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật 2.3. Hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật 2.4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý				CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	giảng; thảo luận nhóm;	[2]; [3]; [4]; [5].	chương 3, 4, 5, 6, 8, 17 giáo trình chính
3	Chương 3: LUẬT DÂN SỰ 3.1 Những vấn đề chung về Luật Dân sự 3.2. Một số chế định chủ yếu của ngành Luật Dân sự 3.2.1. Tài sản và quyền sở hữu 3.2.2. Thừa kế 3.2.3 Hợp đồng dân sự 3.2.4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	7	5	25	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính; Bộ luật dân sự 2015
4	Chương 4: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 4.1. Khái quát chung 4.2. Những nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình 4.2.1. Kết hôn 4.2.2. Quan hệ giữa vợ và chồng 4.2.3 Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 4.2.4. Chấm dứt hôn nhân	2	1	12	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Luật Hôn nhân và gia đình và VBQPPL có liên quan
5	Chương 5: LUẬT LAO ĐỘNG 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Đối tượng điều chỉnh 5.1.2. Phương pháp điều	3	2	13	CLO2; CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	chính của Luật Lao động 5.2 Một số chế định cơ bản - Kiểm tra					Báo cáo chuyên đề.		luật Lao động 2019
6	Chương 6: PHÁP LUẬT VỀ TỔ TỤNG DÂN SỰ 6.1. Khái niệm và nguyên tắc của Luật tổ tụng dân sự Việt Nam 6.2. Chủ thể của Luật tổ tụng dân sự 6.3. Thẩm quyền của Tòa án 6.4. Thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự Chương 7:	2	2	10	CLO2, CLO3, CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 12 giáo trình chính, Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật phòng chống tham nhũng và
	LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG Ôn tập+ giải đáp							các VBQPPL liên quan

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý luận và pháp lý để giải quyết các bài tập, tình huống tại lớp	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm 5-7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

(1) Đào Trí Úc và Hoàng Thị Kim Quế. 2023. Giáo trình đại cương về nhà nước và pháp luật, NXB. ĐHQG Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

(1) Lê Minh Toàn. 2023. Giáo trình pháp luật đại cương, NXB. CTQG Sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm hoặc/và tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm [3]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2	R									
CLO3							R			
CLO4							R			
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X			
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			
Bài tập tự học			X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc	Không chọn đúng	Trả lời được đúng	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu	- Trả lời được đúng các câu

nhịệm	được các câu hỏi kiến thức cơ bản	các câu hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nếu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Kinh doanh

Tên học phần (tiếng Anh): Business law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011743
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: tất cả các chuyên ngành.
- Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành (bắt buộc)

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm: Không
- Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Kinh doanh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Đặc thù của tất cả các chuyên ngành tại Trường Đại học Tài chính – Marketing. Nội dung học phần tập trung cung cấp những kiến thức tổng quan về Luật Kinh doanh, pháp luật điều chỉnh quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh (gồm hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã); pháp luật về tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp; pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; pháp luật về chấm dứt hoạt động kinh doanh bằng hình thức phá sản và pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng tìm kiếm và áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động

kinh doanh; hình thành ý thức tôn trọng và thực hiện tốt pháp luật kinh doanh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các kiến thức lý luận và kiến thức pháp lý cơ bản về chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Luật Kinh doanh.	Kiến thức
CLO3	Xác định được các vấn đề pháp lý của vụ việc kinh doanh cụ thể.	Kỹ năng
CLO4	Áp dụng đúng các quy phạm pháp luật để giải quyết vụ việc kinh doanh cụ thể.	Kỹ năng
CLO5	Thực hiện công việc độc lập hoặc theo nhóm và thể hiện trách nhiệm cá nhân đối với kết quả, sản phẩm hoạt động của cá nhân, của nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LUẬT KINH DOANH 1.1. Khái niệm về Luật Kinh doanh 1.2. Các loại văn bản pháp luật trong hoạt động kinh doanh 1.3. Vai trò của Luật Kinh doanh trong nền kinh tế thị trường	02		04	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[1] [3] [4] [5]	Đọc chương 1 giá trình chính
2	CHƯƠNG 2. CHỦ THỂ KINH DOANH 2.1. Hộ kinh doanh 2.2. Doanh nghiệp 2.3. Hợp tác xã	12	06	45	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; hỏi-đáp; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1, 2 giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3. HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH	09	05	40	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng, lắng nghe,	[1] [2] [3]	Đọc chương 3 giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	3.1. Sơ lược về pháp luật điều chỉnh hợp đồng ở Việt Nam 3.2. Khái niệm - Đặc điểm - Phân loại hợp đồng trong kinh doanh 3.3. Giao kết hợp đồng trong kinh doanh 3.4. Thực hiện hợp đồng 3.5. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng 3.6. Hợp đồng vô hiệu 3.7. Trách nhiệm vật chất và chế tài trong quan hệ hợp đồng 3.8. Một số hợp đồng thông dụng trong kinh doanh				CLO4 CLO5	đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[4] [5]	trình chính
4	CHƯƠNG 4. PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ 4.1. Khái quát về phá sản 4.2. Pháp luật về phá sản ở Việt Nam	03	02	08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
5	CHƯƠNG 5. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KINH DOANH 5.1. Tranh chấp trong kinh doanh và các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh: 5.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thông qua Trọng tài thương mại và Tòa án	04	02	08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 4 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,...hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành.	Giáo trình chính Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bất buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính)

(1) Phạm Thị Huyền Sang.2023. Giáo trình Luật Kinh tế, Nxb. Đại học Vinh.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

(1) Nguyễn Thị Dung.2022. Luật Kinh tế, Nxb. Tư pháp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2]	20%
		Tự học [3]	20%
		Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				I						
CLO2				I						
CLO3								R		
CLO4								R		
CLO5										R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X			
Tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khá và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt Sương	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907770148
Email: phamsuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Lý luận chung nhà nước và pháp luật**

Tên học phần (tiếng Anh): General Theory of the State and Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011238
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 35 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước và pháp luật, các kiểu và hình thức nhà nước và pháp luật; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; nhà nước trong hệ thống chính trị; những khái niệm, phạm trù cơ bản của pháp luật (như quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật).

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về những vấn đề lý luận của nhà nước và pháp luật.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CĐR của chương trình đào tạo với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật, xác định các bộ phận của quy phạm pháp luật, yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật, xác định và phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật.	Kiến thức
CLO2	Hiểu và phân tích cấu thành quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, các dạng trách nhiệm pháp lý.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng những kiến thức cơ bản về pháp luật để giải quyết các tình huống cơ bản của pháp luật như quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật.	Kỹ năng
CLO4	Hình thành, phát triển kỹ năng tranh luận, phản biện các vấn đề pháp lý; kỹ năng thuyết trình, bình luận các vấn đề của lý luận nhà nước, pháp luật	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
1	Chương 1: Khái quát về lý luận nhà nước và pháp luật 1.1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật – môn khoa học xã hội và khoa học pháp lý. 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu lý luận nhà nước và pháp luật. 1.3. Ý nghĩa và yêu cầu của học phần Lý luận về nhà nước và pháp luật.	3		6	CLO1	Thuyết giảng	[1], [3] [4]; [5].	Đọc chương I giáo trình chính
2	Chương 2: Nguồn gốc, bản chất và vai trò của nhà nước 2.1 Nguồn gốc của nhà nước. 2.2. Bản chất nhà nước. 2.3. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước.	5		12	CLO1 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1], [2], [3], [4], [5].	Đọc chương II, III, IV giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	2.4. Vị trí, vai trò của nhà nước trong đời sống xã hội.							
3	Chương 3: Kiểu, hình thức, chức năng và bộ máy nhà nước. 3.1. Kiểu nhà nước. 3.2. Hình thức nhà nước. 3.3. Chức năng của nhà nước. 3.4. Bộ máy nhà nước.	3	2	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương V, VI, VII, giáo trình chính
4	Chương 4: Nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính, chức năng, các kiểu và hình thức pháp luật 4.1. Nguồn gốc của pháp luật. 4.2. Bản chất của pháp luật. 4.3. Các thuộc tính của pháp luật. 4.4. Chức năng của pháp luật. 4.5. Các mối liên hệ của pháp luật. 4.6. Các kiểu và hình thức pháp luật	5	2	16	CLO1 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương X, XI, XII, XIII giáo trình chính
5	Chương 5: Quy phạm pháp luật 5.1 Hệ thống các quy phạm xã hội 5.2 Quy phạm pháp luật 5.3 Phân loại các quy phạm pháp luật.	4	1	12	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4] [5].	Làm tình huống chương 4. Đọc chương XIV giáo trình chính
6	Chương 6: Quan hệ pháp luật 6.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại các quan hệ pháp luật. 6.2 Cấu trúc của quan hệ pháp luật.	3	2	13	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương XVII giáo trình chính
7	Chương 7: Hệ thống pháp	4	1	12	CLO1	Thuyết	[1]; [2];	Làm tình

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	luật. 7.1. Khái niệm và các đặc điểm của hệ thống pháp luật 7.2. Hệ thống cấu trúc của pháp luật. 7.3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. 7.4. Hệ thống hóa pháp luật.				CLO4 CLO5	giảng; Thảo luận.	[3]; [4]; [5].	huống chương 6. Đọc chương XV giáo trình chính
8	Chương 8: Ý thức pháp luật. 8.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của ý thức pháp luật. 8.2. Cơ cấu và các hình thức của ý thức pháp luật. 8.3. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật	3		8	CLO1 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm tình huống chương 7. Đọc chương XX giáo trình chính
9	Chương 9: Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, pháp chế. 9.1. Thực hiện pháp luật. 9.2. Vi phạm pháp luật 9.3. Trách nhiệm pháp lý 9.4. Pháp chế	5	2	14	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương XVII, XIX giáo trình chính Hệ thống hóa học phần.

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập.	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận.	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận.	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2023. Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật, NXB. Chính trị quốc gia Sự Thật.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) PGS.TS. Vũ Trọng Lâm. 2020. Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, NXB. Chính trị Quốc gia Sự Thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2			R							
CLO3							R			
CLO4							R			
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm			X	X	X
Báo cáo chuyên đề			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X
Tự học		X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình	Đạt 2 tiêu chí

	(5.5-6.9)	
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Kinh Thị Tuyết

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Kinh Thị Tuyết	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	Điện thoại liên hệ: 0989516511
Email: kt.tuyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế học

Tên học phần (tiếng Anh): Economics

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011319
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bổ thời gian (giờ): Lý thuyết: 45 Thực hành: 0
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 – Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế và các ngành khối kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐			Ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này nghiên cứu những nội dung cơ bản về thị trường, cầu, cung, giá hàng hoá, sự can thiệp của chính phủ vào thị trường và sự lựa chọn của các chủ thể tham gia thị trường để tối đa hoá lợi ích. Ngoài ra, học phần kinh tế học còn nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tổng thể nền kinh tế quốc dân như tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, thất nghiệp....

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự vận hành của nền kinh tế, cách thức ra quyết định của các chủ thể của nền kinh tế, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phân tích các tình huống trên thị trường và khả năng phân tích, lập

luận để giải quyết các vấn đề kinh tế trong thực tế. Kinh tế học là nền tảng để người học thuộc khối ngành kinh tế nghiên cứu sâu hơn các môn học chuyên ngành.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của kinh tế học	Kiến thức
CLO2	Giải thích được quyết định của các chủ thể tham gia thị trường.	Kiến thức
CLO3	Phân tích được tác động của chính sách của chính phủ ở tầm vi mô và vĩ mô.	Kỹ năng
CLO4	Phân tích được quyết định của các chủ thể kinh tế và tác động của chính sách của chính phủ đến hành vi của các chủ thể tham gia thị trường.	Kỹ năng
CLO5	Có niềm tin, thái độ tích cực và đưa ra những nhận định đúng đắn về chuyên môn.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Số giờ lý thuyết	Thực hành	Số giờ tự học				
Chương 1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kinh tế học 1.1 Khái niệm về kinh tế học 1.2 Các mô hình nền kinh tế 1.3 Sơ đồ chu chuyển nền kinh tế và đường PPF	5		15	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính

Chương 2	Chương 2: Cầu, cung và giá thị trường 2.1 Cầu thị trường 2.2 Cung thị trường 2.3 Cân bằng thị trường 2.4 Độ co giãn của cung và cầu 2.5 Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường	10		25	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng Thuyết trình nhóm Giải quyết tình huống kinh tế Làm bài tập	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
Chương 3	Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng 3.1 Thuyết hữu dụng 3.2 Thuyết đăng ích 3.3 Lựa chọn tiêu dùng tối ưu	5		15	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng Thuyết trình nhóm Phân tích tình huống lựa chọn của người tiêu dùng Làm bài tập	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 3 giáo trình chính
Chương 4	Chương 4: Lý thuyết sản xuất và chi phí 4.1 Lý thuyết về sản xuất 4.2 Lý thuyết về chi phí 4.3 Phối hợp đầu vào tối ưu	10		20	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng Thuyết trình nhóm Phân tích tình huống của nhà sản xuất Làm bài tập	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

Chương 5	Chương 5: Đo lường sản lượng quốc gia 5.1 Một số vấn đề chung về đo lường sản lượng quốc gia 5.2. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường 5.3 Tính các chỉ tiêu liên quan	10		20	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng Thuyết trình nhóm Làm bài tập	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính
Chương 6	Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp 6.1 Lạm phát 6.2 Thất nghiệp 6.3 Mối liên hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	5		10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết giảng Làm bài tập	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 6 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Bài giảng
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận	Các chủ đề thuyết trình
3	Hướng dẫn giải quyết tình huống và trắc nghiệm	Phân tích tình huống và làm bài tập	Tình huống, Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký

nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

(1) Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên). (2022). Giáo trình Kinh tế vi mô, NXB Tài Chính, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

(2) Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (chủ biên) (2022), Giáo trình Kinh tế vĩ mô, NXB Tài Chính, Trường Đại học Tài Chính – Marketing.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1). Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công. (2018). Kinh tế học, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân.

- Tiếng Anh

(1). N. Gregory Mankiw (2021). Principles of economics, eight Edition, Harvard University.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Thuyết trình nhóm	Sản phẩm trình bày [2]	30%
	Kiểm tra thường xuyên	Tự luận [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CLO1	I								
CLO2	I								
CLO3	I								
CLO4					R				
CLO5					R				R
Tổng hợp học phần	I				R				R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thuyết trình nhóm	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Điểm danh, tích cực hoạt động thảo luận nhóm tại lớp	X	X	X		
Thuyết trình nhóm	X	X	X	X	X
Bài tập tự học				X	X
Bài kiểm tra cá nhân	X	X	X	X	X

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng; Có phát biểu xây dựng bài	10 điểm
Vắng học dưới 10%; Có phát biểu xây dựng bài	7-9 điểm
Vắng học 10-15%; phát biểu xây dựng bài	5-7 điểm
Vắng học 15-20%;	3-5 điểm
Vắng học 20-25%;	0-3 điểm
Vắng học trên 25%;	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4. Đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Đánh giá tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém. (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

Trưởng phòng

QLĐT

PGS, TS. Phan Thị
Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc
Phúc

TS. Đoàn Ngọc
Phúc

Ths. Phan Ngọc Yến
Xuân

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ
CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Phan Ngọc Yến Xuân	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Kinh tế - Luật	Điện thoại liên hệ:
Email: nguyenthathanh@ufm.edu.vn	Trang web: khoakinhteluat.ufm
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Hiến pháp**

Tên học phần (tiếng Anh): Constitution Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011806
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về những khái niệm cơ bản về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Chính quyền địa phương.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng những kiến thức về Luật Hiến pháp để đánh giá tính hợp hiến, hợp

pháp của hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật; đồng thời có thái độ tôn trọng Hiến pháp, học hỏi ứng dụng kiến thức về Luật Hiến pháp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày khái niệm cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp và nắm bắt được cơ sở hình thành nên các bản hiến pháp trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.	Kiến thức
CLO2	Hiểu được các vấn đề cơ bản trong hiến pháp như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan trong Bộ máy nhà nước Việt Nam.	Kiến thức
CLO3	Xác định, giải thích được nội dung cốt lõi của các chế định cơ bản trong hiến pháp, sự thay đổi về nội dung điều chỉnh qua mỗi bản hiến pháp.	Kiến thức
CLO4	Vận dụng các kiến thức về luật hiến pháp để đánh giá về các quy định trong hiến pháp hiện hành.	Kỹ năng
	Có thái độ tôn trọng pháp luật và sự hiểu biết đúng đắn về đặc thù của hiến pháp Việt Nam thông qua việc tìm hiểu đọc nội dung các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam và hiến pháp của một số quốc gia khác.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM 1.1 Hiến pháp – Đạo luật cơ bản của nhà nước							
1	1.1.1 Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp 1.1.2 Các giai đoạn phát triển của hiến pháp 1.1.3 Cấu trúc hiến pháp 1.1.4 Phân loại hiến pháp 1.1.5 Quy trình làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp 1.1.6 Các mô hình cơ quan bảo hiến 1.2 Sự ra đời và phát triển của	2	1	6	CLO1 CLO2	Thuyết giảng.	[1], [4];[5].	Đọc chương 1 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	nền lập hiến Việt Nam 1.2.1 Tư tưởng lập hiến trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 1.2.2 Hiến pháp năm 1946 1.2.3 Hiến pháp năm 1959 1.2.4 Hiến pháp năm 1980 1.2.5 Hiến pháp năm 1992 1.2.6 Hiến pháp năm 2013							
2	CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ 2.1 Khái niệm chế độ chính trị 2.2 Chính thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.3 Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4 Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.5 Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.6 Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2];[4] [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3: QUỐC TỊCH VIỆT NAM 3.1 Khái niệm quốc tịch 3.2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới 3.3. Những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam	2	1	11	CLO2, CLO5.	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 3 giáo trình chính
4	CHƯƠNG 4: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 4.1 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền con người 4.2 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ	3	2	16	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	cơ bản của công dân 4.3 Những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.4 Quyền con người theo Hiến pháp 2013 4.5 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013 4.6 Sự phát triển chế định quyền con người, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013							
5	CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 5.1 Khái niệm về bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2 Bộ máy Nhà nước Việt Nam qua 5 bản Hiến pháp 5.3 Các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3	1	12	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4] [5].	Làm tình huống chương 4. Đọc chương 5 giáo trình chính
6	CHƯƠNG 6: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ 6.1 Khái niệm chế độ bầu cử 6.2 Các nguyên tắc bầu cử 6.3 Tiến trình của một cuộc bầu cử 6.4 Việc bãi nhiệm đại biểu	3	1	10	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 6 giáo trình chính
7	CHƯƠNG 7: QUỐC HỘI 7.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội Việt Nam 7.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Quốc hội 7.3 Nhiệm vụ và quyền hạn của	3	1	10	CLO2, CLO3 CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm tình huống chương 6. Đọc chương 7 giáo trình

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	Quốc hội 7.4 Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 7.5 Các cơ quan giúp việc của Quốc hội 7.6 Kỳ họp Quốc hội, Đại biểu Quốc hội							chính
8	CHƯƠNG 8: CHỦ TỊCH NƯỚC 8.1 Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước 8.2 Thẩm quyền của Chủ tịch nước 8.3 Việc bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước 8.4 Hội đồng quốc phòng và an ninh	3	1	8	CLO1, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [5].	Làm tình huống chương 8. Đọc chương 8 giáo trình chính
9	CHƯƠNG 9: CHÍNH PHỦ 9.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ Việt Nam 9.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Chính phủ 9.3 Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 9.4 Cơ cấu, tổ chức của Chính phủ 9.5 Các hình thức hoạt động của Chính phủ	3	2	8	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 9 giáo trình chính Hệ thống hóa học phần.
10	CHƯƠNG 10: TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN 10.1 Sự hình thành và phát triển của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.2 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.3 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.4 Hệ thống và cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân và Viện	3	2	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 10 giáo trình chính Làm tình huống chương 10

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	kiểm sát nhân dân 10.5 Thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án, thẩm tra viên, Kiểm sát viên, kiểm tra viên							
11	CHƯƠNG 11: CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN 11.1 Vị trí, tính chất, chức năng của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11.2 Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11.3 Tổ chức và các hình thức hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân	3	2	8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 11 giáo trình chính Làm tình huống chương

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ *Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):*

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X		X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Tự học		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0- 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

		(50%≤80%)	(90%≤100%)
--	--	-----------	------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Hồ Thị Thanh Trúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0909022483
Email: hotruc@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Hành chính – Tổ tụng hành chính**

Tên học phần (tiếng Anh): **Law on Administration and Administrative Procedure**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011240
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần học trước: Lý luận chung nhà nước và pháp luật, Luật hiến pháp

Học phần song hành: không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Hành chính và tổ tụng hành chính là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức tổng quan về Luật Hành chính, chủ thể Luật Hành chính, hình thức và phương pháp quản lý hành chính, biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước, thủ tục hành chính.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng giải thích được những kiến thức lý luận cơ bản về Luật hành chính và tổ tụng hành chính; và vận dụng kiến thức đã học để thực hiện hồ sơ, thủ tục pháp lý hành chính và tổ tụng hành chính nhằm phục vụ cho công việc, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chủ

thể trong vụ án hành chính.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, các quy định pháp luật liên quan về tổ tụng hành chính	Kiến thức
CLO2	Xác định được quan hệ pháp luật hành chính và giải quyết được một số thủ tục hành chính cơ bản; phân tích được các khía cạnh pháp lý của vụ kiện hành chính để bảo vệ quyền lợi cho chính mình hay cho đương sự khác trong vụ án hành chính.	Kiến thức
CLO3	Áp dụng được những kiến thức pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước và có thể nhận dạng được các sự việc và tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ tụng hành chính	Kỹ năng
CLO4	Phân tích, đánh giá, bình luận được các vụ việc theo quy định của pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; có thể giải quyết được tình huống đơn giản của vụ án hành chính.	Kỹ năng
CLO5	Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay; nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về hoạt động hành chính 1.1 Các khái niệm 1.2 Quản lý nhà nước 1.3 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động hành chính nhà nước Việt Nam 1.4 Hình thức hoạt động hành chính 1.5 Phương pháp hoạt động hành chính 1.6 Một số phương pháp chung cơ bản	3	1	9	CLO1 CLO5	Thuyết giảng.	[1] [3] [4] [5]	Đọc chương 1,4 giáo trình chính
2	Chương 2. Thủ tục hành chính				CLO2 CLO3	Thuyết giảng;	[1]; [2];[3]	Đọc chương

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	2.1. Khái niệm thủ tục hành chính, các nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính 2.2. Chủ thể của thủ tục hành chính 2.3. Các loại thủ tục hành chính 2.4. Các giai đoạn của thủ tục hành chính	4	1	12	CLO4 CLO5	Thảo luận nhóm. Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề).	[4], [5].	5 giáo trình chính
3	Chương 3. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước 3.1 Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước 3.2 Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước	3	1	12	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 7 giáo trình chính
4	Chương 4. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức 4.1. Khái niệm cán bộ, công chức 4.2. Công vụ và các nguyên tắc của chế độ công vụ 4.3. Các hình thức hình thành và bổ sung đội ngũ cán bộ, công chức 4.4. Quyền lợi, nghĩa vụ, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức 4.5. Khen thưởng đối với cán bộ, công chức 4.6. Xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức	3	1	12	CLO2 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 8 giáo trình chính
5	Chương 5. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội 5.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức xã hội	2	1	8	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 9 giáo trình chính.

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	5.2. Các loại tổ chức xã hội 5.3 Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội							
6	Chương 6. Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài 6.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 6.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài	2	1	8	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 10 giáo trình chính
7	Chương 7. Trách nhiệm hành chính 7.1 Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm hành chính 7.2 Xử phạt vi phạm hành chính 7.3 Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính	3	2	12	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 11 giáo trình chính
8	Chương 8. Tổ tụng hành chính 8.1 Khái quát chung 8.2 Nguyên tắc chung trong tổ tụng hành chính 8.3 Chủ thể trong tổ tụng hành chính 8.4 Các giai đoạn trong tổ tụng hành chính	10	7	23	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm		Đọc giáo trình Luật tổ tụng hành chính
	Cộng	30	15	105				

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

- (1) Trường đại học Luật Hà Nội. 2019. Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, NXB. Công an nhân dân;
- (2) Trường đại học Luật Hà Nội. 2018. Giáo trình Luật tổ tụng hành chính Việt Nam, NXB. Công an nhân dân;

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Trường đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh. 2022. Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, NXB Hồng Đức;
- (2) Trường đại học Luật Tp Hồ Chí Minh. 2020. Giáo trình Luật tổ tụng hành chính Việt Nam, NXB. Hồng Đức;

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2		R								
CLO3							R			
CLO4							R			
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			X
Thảo luận nhóm			X	X	X
Báo cáo chuyên đề, bài tập nhóm		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề		X	X	X	X
Tự học		X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
	thức cơ bản	cơ bản	cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	cơ bản và khó (80%≤90%)	cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí

	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
--	------------------	----------------

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Trần Văn Bình

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Trần Văn Bình	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0918306223
Email: tranbinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Hình sự và Tố tụng hình sự**

Tên học phần (tiếng Anh): **Criminal and Criminal Procedure Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011241
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Luật – Kinh tế
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 02 – Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Cơ sở ngành
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☒		Chuyên ngành ☐			Ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần học trước: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật

Học phần song hành: không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Hình sự và tố tụng hình sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về tội phạm, hình phạt và trình tự, thủ tục tố tụng để tiến hành xét xử một vụ án hình sự. Học phần tập trung vào dấu hiệu đặc trưng của từng loại tội phạm cụ thể; vị trí pháp lý, mối quan hệ, quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng hình sự.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng những vấn đề lý luận chung và các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự nhằm xử lý các tình huống pháp lý phát sinh trên thực tế.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu được một số vấn đề lý luận cơ bản của luật hình sự Việt Nam.	Kiến thức
CLO2	Hiểu được bản chất của dấu hiệu nhận diện hành vi tham nhũng và cấu thành tội phạm của các nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm quyền sở hữu, xâm phạm con người, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và áp dụng để nhận diện được một số tội phạm cụ thể liên quan đến các nhóm tội đó như các tội phạm về tham nhũng	Kiến thức
CLO3	Hiểu được các vấn đề pháp lý cơ bản về luật tố tụng hình sự Việt Nam và vận dụng được quy trình tố tụng để giải quyết vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam	Kiến thức
CLO4	Hiểu được chính xác các vấn đề pháp lý, xác định đúng các quy định pháp luật về luật hình sự và tố tụng hình sự và áp dụng chúng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự. Phân tích, lập luận, trình bày đúng, gọn, rõ trong nói và viết.	Kỹ năng
CLO5	Tổ chức thực hiện được quá trình làm việc nhóm. Có thể Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát được người khác thực hiện nhiệm vụ được phân công khi làm việc nhóm	Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về luật hình sự 1.1 Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam 1.2 Tội phạm và CTTTP 1.3 Các chế định liên quan đến tội phạm 1.3.1 Các giai đoạn thực hiện tội phạm 1.3.2 Đồng phạm 1.3.3 Các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi 1.4 Hình phạt và quyết định hình phạt	4	0	13	CLO1	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	[1];[4] [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
2	Chương 2. Pháp luật về	4	2	13	CLO2	Thuyết	[1];[2];	Đọc tài

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	phòng chống tham nhũng 2.1. Khái niệm, dấu hiệu nhận diện hành vi tham nhũng 2.2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 2.3. Một số tội phạm cụ thể liên quan đến hành vi tham nhũng 2.4. Xử lý hành vi tham nhũng và tài sản tham nhũng 2.5. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng				CLO4 CLO5	giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, thực hành tại lớp	[4];[5]	liệu môn học được giảng viên cung cấp
3	Chương 3. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia 3.1 Khái niệm và đặc điểm 3.2 Các tội phạm cụ thể	3	2	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, thực hành tại lớp	[1];[2]; [4];[5]	Làm bài tập chương 2; Đọc chương 3 giáo trình chính
4	Chương 4. Các tội xâm phạm con người 4.1 Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Các tội phạm cụ thể	3	2	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, thực hành tại lớp	[1];[2]; [4];[5]	Làm bài tập chương 3; Đọc chương 4 giáo trình chính
5	Chương 5. Các tội xâm phạm quyền sở hữu 5.1 Khái niệm và đặc điểm 5.2 Các tội phạm có tính chất chiếm đoạt tài sản 5.3 Các tội phạm không có tính chất chiếm đoạt tài sản	4	2	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, thực hành tại lớp	[1];[2]; [4];[5]	Làm bài tập chương 4; Đọc chương 5 giáo trình chính
6	Chương 6. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế 6.1 Khái niệm và đặc điểm 6.2 Nhóm các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại	4	3	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, thực hành tại lớp	[1];[2]; [4];[5]	Chuẩn bị câu trả lời cho bài tập tình huống, Đọc chương 6

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	6.3 Nhóm các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm 6.4 Nhóm các tội phạm khác xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế							giáo trình chính
7	Chương 7. Những vấn đề lý luận chung về tố tụng hình sự 7.1 Khái niệm về tố tụng hình sự 7.2 Các nguyên tắc của tố tụng hình sự Việt Nam 7.3 Chủ thể các quan hệ tố tụng hình sự	4	2	13	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	[1];[2]; [3];[5]	Đọc chương 7 giáo trình chính
	7.4 Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự việt nam 7.5 Các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự							
8	Chương 8. Các giai đoạn tố tụng hình sự 8.1 Khái niệm các giai đoạn tố tụng hình sự 8.2 Khởi tố vụ án 8.3 Điều tra – truy tố 8.4 Xét xử vụ án hình sự	4	2	14	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng	[1];[2]; [3];[5]	Đọc chương giáo trình chính
	Tổng	30	15	105				

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân nhóm, nhận câu hỏi thảo luận, trả lời câu hỏi, thảo luận	Câu hỏi thảo luận
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo kết quả nghiên cứu theo chủ đề hoặc kết quả tham dự phiên tòa hình sự và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính Mock trial clip or case in online court session

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Phân nhóm, phân chia tình huống, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Tình huống Clip phiên tòa giả định hoặc trực tuyến

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề/ tình huống nghiên cứu từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành chủ đề/tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

- (1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022). Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung), NXB. Công an nhân dân;
- (2) Trường Đại học Luật Hà nội. 2021. Giáo trình luật hình sự Việt Nam, phần các tội phạm (Quyển 1, Quyển 2), NXB. Công an nhân dân;
- (3) Trường Đại học Luật Hà nội. 2022. Giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam, NXB. Công an nhân dân.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Nguyễn Ngọc Hòa. 2015. Tội phạm và cấu thành tội phạm, NXB. Tư pháp;
- (2) Cao Thị Oanh. 2022. Hướng dẫn môn học Luật Hình sự (Tập 1 - phần chung), NXB. Công an nhân dân;
- (3) Cao Thị Oanh. 2023. Hướng dẫn môn học Luật Hình sự (Phần các tội phạm), NXB. Công an nhân dân;
- (4) Nguyễn Thị Liên. 2022. Hướng dẫn môn học Luật Tố tụng Hình sự, NXB. Công an nhân dân.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Giao tình huống, chuẩn bị giải quyết tình huống	Chấm điểm giải quyết tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thực hành tại lớp [2]	40%
		Tham dự phiên tòa [3]	
		Bài tập tự học [4]	
Đánh giá kết thúc	Thi-kết thúc	Tự luận [5]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3			R							
CLO4			R							
CLO5								R		
CLO6										M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm				X	X
Thực hành tại lớp				X	X
Tham dự phiên tòa				X	X
Báo cáo chuyên đề		X	X		X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thực hành tại lớp		X	X	X	X
Tham dự phiên tòa				X	X
Bài tập tự học (báo cáo chuyên đề)		X	X		X
Tự luận	X	X	X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Rubric: Thực hành tại lớp

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Kỹ năng trình bày 3. Kết quả giải quyết tình huống 4. Cách tiếp cận vấn đề	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0- 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4. Rubric 4: Tự luận

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Có cơ sở pháp lý đầy đủ và phù hợp 2. Nội dung trả lời chính xác và đầy đủ 3. Có lập luận, biện luận câu trả lời 3. Hình thức trình bày sạch sẽ 4. Thể hiện được quan điểm cá nhân (nếu có)	Yếu	Không đạt 4 tiêu chí
	Trung bình	Đạt 1 - 2 tiêu chí
	Khá	Đạt 2 - 3 tiêu chí
	Giỏi	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Rubric 5: đánh giá hoạt động thực hành tại Tòa án

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Tham gia đúng giờ 2. Thái độ hợp tác, trang phục đúng quy định	Yếu	Không đạt 4 tiêu chí
	Trung bình	Đạt 1 - 2 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
3. Kỹ năng quan sát, ghi chép sự việc	Khá	Đạt 2 - 3 tiêu chí
3. Cách tiếp cận vấn đề		
4. Bài báo cáo	Giỏi	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Trần Thị Huyền Tr 3

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Huyền Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0937915758
Email: ttthtrang@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần (tiếng Anh): Political - Legal Doctrines

- Học phần thuộc khối kiến thức:

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận

mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được quá trình nảy sinh, hình thành, phát triển, thay thế lẫn nhau của những tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị tiêu biểu trong lịch sử nhân loại qua các thời đại và lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam;	Kiến thức
CLO2	Giải thích được những hiện tượng, quá trình chính trị trong lịch sử, hiểu rõ sự tác động qua lại giữa chính trị và pháp luật, từ đó biết áp dụng, kế thừa những giá trị văn hoá nhân loại, những tư tưởng chính trị góp phần vào việc xây dựng, bảo vệ đất nước trong điều kiện mới.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng được thói quen, phương pháp nghiên cứu tài liệu, tìm tòi học hỏi kiến thức mới, tự tin trong trao đổi, tranh luận khoa học. Xây dựng và thực hành được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình	Kỹ năng
CLO4	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Các học thuyết chính trị - pháp lý thời kỳ cổ đại. ❖ Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Ai cập ❖ Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Tây Á ❖ Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Ấn độ ❖ Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Trung Hoa. 5. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Hy Lạp ❖ 6. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở La Mã	10	2	20	CLO 1; CLO 2	Thuyết giảng	[1]; [3]; [4];	Đọc chương 1 giáo trình chính
2	Chương 2: Các học thuyết chính trị - pháp lý thời kỳ trung đại ❖ Thuyết Thần quyền ❖ Tư tưởng chính trị - pháp lý Tây Âu thời kỳ tan rã chế độ phong kiến	5	1	10	CLO 1; CLO 2; CLO 3.	Thuyết giảng; Thảo Luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4];	Đọc chương 2 giáo trình chính. Tìm hiểu tư liệu

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								làm bài thuyết trình
3	Chương 3: Các học thuyết chính trị - pháp lý thời kỳ cận đại 1. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Anh 2. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Pháp 3. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Đức 4. Các học thuyết chính trị - pháp lý ở Mỹ	12	1	30	CLO 2 CLO 3 CLO 4	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề.	[1] [2], [3],	Đọc chương 3 giáo trình chính. Nghiên cứu các dữ liệu gọi mở của giảng viên Nghiên cứu trước tài liệu Chương 4
4	Chương 4: Các học thuyết chính trị - pháp lý Mác – Lênin ❖ Quan điểm về nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật ❖ Quan điểm về bản chất và đặc trưng của Nhà nước và Pháp luật ❖ Quan điểm về các kiểu của Nhà nước và pháp luật ❖ Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ	3	1	10	CLO 2; CLO 3; CLO 4; CLO 5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3] [4] [5]	Đọc chương 4 giáo trình chính.

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập.	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận.	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận.	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Cao Minh Công, Nguyễn Thị Hồi. 2015. Giáo trình Lịch sử tư tưởng chính trị pháp lý, NXB. Chính trị quốc gia – sự thật;
- (2) Hoàng Thị Kim Quế, Nguyễn Đăng Dun. 2015. Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (3) Nguyễn Đăng Dung, Lê Thị Thanh Lai. 2020. Lịch sử các học thuyết chính trị, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội.
- (4) Nguyễn Hoàng Như Thanh (Dịch giả). 2021. Lý thuyết chính trị quốc tế, NXB. Thế giới.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3								R		
CLO4										M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Thảo luận nhóm		X	X	X
Báo cáo chuyên đề			X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X	X	X
Bài tập tự học			X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc	Không chọn đúng	Trả lời được đúng	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu	Trả lời được đúng các câu

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
nghiệm	được các câu hỏi kiến thức cơ bản	các câu hỏi kiến thức cơ bản	hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa

TS. Đoàn Ngọc Phúc

Trưởng bộ môn

TS. Tô Thị Đông Hà

Giảng viên biên soạn

ThS. Lê Thị Minh Trang

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Lê Thị Minh Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0978052579
Email: lttmtrang@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Tên học phần (tiếng Anh): **Text editing skills**

1. THÔNG TIN CHUNG

- Mã số học phần: 011260
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 20 Thực hành: 25
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: Sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☒		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
 - + Điều kiện tiên quyết: không
 - + Học phần học trước: không
 - + Học phần song hành: Không

2. MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Kỹ năng soạn thảo văn bản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức chung về văn bản quản lý nhà nước (đặc điểm, chức năng của văn bản; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; quy trình soạn thảo, ban hành văn bản); kỹ năng soạn thảo hoàn chỉnh một số văn bản hành chính như công văn, báo cáo, thông báo, biên bản, thư thương mại, thư công (lựa chọn văn bản theo tình huống cần ban hành, trình bày đúng thể thức, diễn đạt nội dung, văn phong phù hợp); hình thành khả năng độc lập trong nhận thức, phân tích, đánh giá việc xây dựng, ban hành văn bản của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA HỌC PHẦN

Học nhân này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng tiến hành soạn thảo, ban hành, quản lý văn bản phục vụ quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần.

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được kiến thức cơ bản về văn bản quản lý (đặc điểm, chức năng, thể thức văn bản); mô tả được quy trình soạn thảo, ban hành văn bản...	Kiến thức
CLO2	Làm chủ các kỹ năng soạn thảo hoàn chỉnh một số văn bản hành chính thông dụng như quyết định, công văn, kế hoạch, thông báo, báo cáo, biên bản, thư công, cụ thể là: Lựa chọn được văn bản phù hợp theo tình huống cần ban hành; trình bày đúng thể thức văn bản; diễn đạt nội dung, văn phong phù hợp trong văn bản.	Kỹ năng
CLO3	Hình thành được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong quá trình soạn thảo văn bản, cụ thể là: Nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của việc soạn thảo, ban hành văn bản trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có khả năng độc lập trong việc nắm bắt thông tin, phân tích tình huống để lựa chọn văn bản tham mưu và chịu trách nhiệm về việc soạn thảo văn bản cả ở phương diện thể thức, nội dung khi làm việc trong thực tiễn ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Văn bản quản lý 1.1. Khái niệm 1.2. Đặc điểm của văn bản quản lý 1.3. Chức năng cơ bản của văn bản quản lý - Giảng dạy; hướng dẫn thảo luận, thực hành. - Hệ thống kiến thức, giải đáp thắc mắc của sinh viên.	3	1	15	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình; thảo luận; nghiên cứu tình huống	[1] [2] [3] [4]	- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc văn bản pháp luật theo hướng dẫn của giảng viên. - Chuẩn bị nội dung học tập theo hướng dẫn của GV: Bài thực hành, bài

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy-học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								báo cáo...
2	Chương 2. Yêu cầu chung về kỹ năng soạn thảo văn bản 2.1. Yêu cầu về thẩm quyền ban hành văn bản 2.2. Yêu cầu về nội dung văn bản 2.3. Yêu cầu về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản - Giảng dạy; hướng dẫn thảo luận, thực hành. - Hệ thống kiến thức, giải đáp thắc mắc của sinh viên.	5	3	20	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình; thảo luận; nghiên cứu tình huống	[1] [2] [3] [4]	- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc văn bản pháp luật theo hướng dẫn của giảng viên. - Chuẩn bị nội dung học tập theo hướng dẫn của GV: Bài thực hành, bài báo cáo...
3	Chương 3. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản 3.1. Khái niệm, yêu cầu đối với quy trình xây dựng và ban hành văn bản 3.2. Nội dung quy trình xây dựng và ban hành văn bản - Giảng dạy; hướng dẫn thảo luận, thực hành. - Hệ thống kiến thức, giải đáp thắc mắc của sinh viên.	3	2	20	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình; thảo luận; nghiên cứu tình huống	[1] [2] [3] [4]	- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc văn bản pháp luật theo hướng dẫn của giảng viên. - Chuẩn bị nội dung học tập theo hướng dẫn của giảng viên: Bài thực hành, bài báo cáo...
4	Chương 4. Kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng 4.1. Soạn thảo quyết định 4.2. Soạn thảo công văn	9	20	50	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình; thảo luận; nghiên cứu tình huống	[1] [2] [3] [5]	- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên. - Đọc văn bản pháp luật theo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy-học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	4.3. Soạn thảo kế hoạch 4.4. Soạn thảo báo cáo 4.5. Soạn thảo thông báo 4.6. Soạn thảo biên bản 4.7. Soạn thảo thư công - Giảng dạy, hướng dẫn thảo luận, thực hành. - Hệ thống kiến thức, giải đáp thắc mắc của sinh viên.							hướng dẫn của giảng viên. - Chuẩn bị nội dung học tập theo hướng dẫn của giảng viên: Bài thực hành bài báo cáo...
Tổng		20	25	105				

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Giáo trình chính Bài giảng
2	Hướng dẫn thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Hướng dẫn báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề Báo cáo chuyên đề

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi.	Giáo trình chính Bài giảng
2	Hướng dẫn thực hành	- Nhóm phân chia nhiệm vụ, thảo luận và làm bài thực hành - Cá nhân tự chủ, có tham vấn khi làm bài thực hành.	Chủ đề thực hành Giáo trình chính Sản phẩm/Bài tập thực hành
3	Hướng dẫn báo cáo kết quả thực hành	- Thuyết trình/báo cáo kết quả bài thực hành, trả lời câu hỏi liên quan. - Nhận xét, phản biện, đặt câu hỏi liên quan.	Sản phẩm/Bài tập thực hành Báo cáo kết quả thực hành

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: Mỗi nhóm 5-10 sinh viên; bầu nhóm trưởng và thư ký.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.

- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

7.1. Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

- [1] Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh.2017. Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản, Nxb Hồng Đức.
- [2] Trường Đại học Luật Hà Nội.2019. Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng, Nxb. Tư pháp.

7.2. Tài liệu hướng dẫn tự học

- [3] Lê Văn In (Chủ biên), Nghiêm Kỳ Hồng, Đỗ Văn Học. 2015. Giáo trình Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo, NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Nguyễn Thị Nhân.2006. Tiếng Việt thực hành, NXB Thể dục Thể thao.
- [5] Ngô Sỹ Trung.2015. Soạn thảo văn bản hành chính, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Ngô Sỹ Trung.2016. Văn bản quản lý nhà nước, NXB Lao động - Xã hội.
- [7] Trường Đại học Công nghệ thông tin.2014. Giáo trình Tiếng Việt thực hành, NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.
- [8] Quốc hội.2015. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.
- [9]. Quốc hội.2020. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14.
- [10] Chính phủ.2016. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- [11] Chính phủ.2020. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
- [12] Chính phủ.2020. Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- [13] Ủy ban Thường vụ Quốc hội.2017.Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.
- [14] Một số văn bản liên quan khác.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang

thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thu thập, nghiên cứu tài liệu	Bài kiểm tra/vấn đáp nội dung tự học	Bài kiểm tra/vấn đáp
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề, bài thực hành	Chấm bài báo cáo chuyên đề, bài thực hành	Bài báo cáo chuyên đề, bài thực hành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9. MA TRẬN

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2								M		
CLO3										M

9.2. Ma trận tương thích phương pháp dạy - đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy - học	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết giảng	X	X	
Thảo luận nhóm		X	X
Báo cáo chuyên đề, bài thực hành		X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs		
	CLO1	CLO2	CLO3
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề, bài thực hành		X	X
Tự học		X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0 - 3.9)	Yếu (4.0 - 5.4)	Trung bình (5.5 - 6.9)	Khá (7.0 - 8.4)	Giỏi (8.5 - 10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3. Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90% ≤ 100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80% ≤ 90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50% ≤ 80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30% ≤ 50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (< 30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4. Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0 - 3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0 - 5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5 - 6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0 - 8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5 - 10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0 - 3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0 - 5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5 - 6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0 - 8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5 - 10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn


 PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga


 TS. Đoàn Ngọc Phúc


 TS. Tô Thị Đông Hà


 PGS.TS. Ngô Sỹ Trung

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Ngô Sỹ Trung	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0989318192
Email: nstrung@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Doanh nghiệp**

Tên học phần (tiếng Anh): **Enterprise Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011831
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức: Ngành (Bắt buộc)

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần học trước: Lý luận chung Nhà nước và pháp luật, Luật Dân sự

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức lý luận và pháp lý về các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức của từng loại hình doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng các quy định của Luật Doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tế. Từ đó, người học có ý thức pháp luật cao trong quá trình vận hành và làm việc tại doanh nghiệp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân biệt được các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam.	Kiến thức
CLO2	Giải thích đúng nội dung các quy phạm pháp luật điều chỉnh về điều kiện, thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.	Kiến thức
CLO3	Hoàn thành được hồ sơ đăng ký thành lập, tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp.	Kỹ năng
CLO4	Phát hiện các vướng mắc pháp lý về điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp và định hướng các quy phạm pháp luật để giải quyết vướng mắc pháp lý.	Kỹ năng
CLO5	Bảo vệ kết quả giải quyết các vướng mắc pháp lý về doanh nghiệp mà cá nhân hoặc nhóm đã nêu ra.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Khái quát chung về doanh nghiệp 1.1. Khái niệm doanh nghiệp 1.2. Thành lập doanh nghiệp và quyền tự do thành lập doanh nghiệp 1.3. Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp 1.4. Điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục bổ sung đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	08	05	30	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 11, giáo trình chính
2	Chương 2. Doanh nghiệp tư nhân 2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp tư nhân 2.2. Tổ chức quản lý doanh nghiệp tư nhân 2.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân	01	01	05	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 3, giáo trình chính
3	Chương 3. Khái quát chung về công ty 3.1. Sự ra đời, phát triển của	01		02	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt	[1] [2] [3]	Đọc chương 4, giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	công ty và Luật công ty 3.2. Các loại hình công ty phổ biến trên thế giới					câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[4] [5]	trình chính
4	Chương 4. Địa vị pháp lý của công ty hợp danh 4.1. Khái niệm, đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh 4.2. Thành viên của công ty hợp danh 4.3. Quy chế pháp lý về vốn của công ty hợp danh 4.4. Tổ chức, quản lý công ty hợp danh	03	02	12	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 5, giáo trình chính
5	Chương 5. Địa vị pháp lý của công ty cổ phần 5.1. Khái niệm, đặc điểm của công ty cổ phần 5.2. Vốn trong công ty cổ phần 5.3. Cổ đông 5.4. Tổ chức quản lý công ty cổ phần	05	03	20	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 6, giáo trình chính
6	Chương 6. Địa vị pháp lý của công ty trách nhiệm hữu hạn 6.1. Khái niệm, đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn 6.2. Quy chế về vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn 6.3. Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 6.4. Tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn	06	04	24	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 7, giáo trình chính
7	Chương 7. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp nhà nước 7.1. Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp nhà nước 7.2. Những đặc thù trong kinh doanh áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước	02		04	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 8, giáo trình chính
8	Chương 8. Một số vấn đề	02		04	CLO1	Thuyết	[1]	Đọc

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	pháp lý về nhóm công ty 8.1. Khái niệm và đặc điểm của nhóm công ty 8.2. Một số vấn đề pháp lý về mô hình công ty mẹ - công ty con 8.3. Một số vấn đề pháp lý về tập đoàn kinh tế và tổng công ty				CLO4 CLO5	giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[2] [3] [4] [5]	chương 9, giáo trình chính
9	Chương 9. Pháp luật về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp 9.1. Pháp luật về tổ chức lại doanh nghiệp 9.2. Pháp luật về giải thể doanh nghiệp	02		04	CLO1 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 12, giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,...hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các bài tập thực hành.	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).

- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam - Tập 1, NXB.Tư pháp.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1) Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh. 2023. Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh, NXB. Hồng Đức.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thuyết trình	Chấm điểm thuyết trình	Bài thuyết trình
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
		Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO2			R							
CLO3								M		
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X			
Tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt Sương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907770148
Email: phamsuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật môi trường**

Tên học phần (tiếng Anh): **Environmental Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011334
- Tổng số tín chỉ: 02 Lý thuyết: 02 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 30 Lý thuyết: 20 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (tiết): 70
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết gồm: không

Học phần học trước: Lý luận chung Nhà nước và pháp luật

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Môi trường là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; pháp luật về sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản; các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu; những quyền lợi và trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng các kiến thức cốt lõi của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế về môi trường vào thực tiễn tư vấn, tham mưu cho đơn vị công tác.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các vấn đề lý luận chung về môi trường và các quy phạm pháp luật điều chỉnh về hoạt động bảo vệ môi trường.	Kiến thức
CLO2	Xác định đúng các quy phạm pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý về môi trường.	Kiến thức
CLO3	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh trong tình huống thuộc lĩnh vực môi trường.	Kỹ năng
CLO4	Phân tích cách thức lựa chọn phương án giải quyết pháp lý phù hợp trong mỗi tình huống phát sinh liên quan đến môi trường.	Kỹ năng
CLO5	Đề xuất giải pháp mang tính pháp lý để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực môi trường.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật Môi trường							
1	1.1 Môi trường và hiện trạng môi trường 1.2 Bảo vệ môi trường 1.3 Luật môi trường 1.4 Nguồn và các nguyên tắc của Luật môi trường	04		08	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm;	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 1, giáo trình chính
2	Chương 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường 2.1 Khái niệm 2.2 Một số nội dung cơ bản về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường	03	02	12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 2, giáo trình chính
3	Chương 3: Pháp luật về đánh giá môi trường 3.1 Pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường 3.2 Pháp luật về đánh	04	02	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 4, giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	giá tác động môi trường							
4	Chương 4: Pháp luật về tài nguyên thiên nhiên 4.1. Pháp luật về tài nguyên rừng 4.2. Pháp luật về tài nguyên nước	04	02	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 6 và chương 8, giáo trình chính
5	Chương 5: Giải quyết tranh chấp môi trường 5.1. Tranh chấp môi trường 5.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường	02	02	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.	[1] [2] [3] [4] [5]	Đọc chương 13, giáo trình chính
6	Chương 6: Thực thi các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam 6.1 Vai trò của các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 6.2 Quyền và nghĩa vụ của Việt Nam trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm 6.3 Thực trạng thực thi nghĩa vụ trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm cơ bản ở Việt Nam	03	02	10		Thuyết giảng, lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm; Thực hành trên lớp.		Đọc chương 14, giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo Giáo trình chính

6.2. Thực hành

Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
Thực hành tại lớp	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ... hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hành các bài tập.	- Giáo trình chính - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2021. Giáo trình Luật Môi trường - Tập 1, NXB. Tư pháp.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) Phạm Văn Võ. 2023. Tập bài giảng Luật Môi trường, NXB. Tư pháp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thuyết trình	Chấm điểm thuyết trình	Bài thuyết trình
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2]	20%
		Tự học [3]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				R						
CLO2				R						
CLO3								R		
CLO4								R		
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X			
Tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Thị Nguyệt Sương	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907770148
Email: phamsuong@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Sở hữu trí tuệ**

Tên học phần (tiếng Anh): **Intellectual Property Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011809
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 35 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

Học phần học trước: Luật Dân sự

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Sở hữu trí tuệ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức lý luận chung về sở hữu trí tuệ; đối tượng, điều kiện bảo hộ, thời hạn bảo hộ, văn bằng bảo hộ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hợp đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng phân tích được những kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ, thực hành kỹ

năng vận dụng những quy định pháp luật sở hữu trí tuệ giải quyết những tình huống giả định, hoàn thiện bộ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, soạn thảo hợp đồng có đối tượng là quyền sở hữu trí tuệ. Môn học cũng giúp cho người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản trong luật sở hữu trí tuệ	Kiến thức
CLO2	Vận dụng được các kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống pháp lý	Kiến thức
CLO3	Kỹ năng phân tích các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ	Kỹ năng
CLO4	Kỹ năng soạn thảo hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Khái quát chung về luật sở hữu trí tuệ 1.1. Khái niệm, đặc điểm 1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh 1.3. Nguồn của Luật sở hữu trí tuệ 1.4. Đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ 1.5. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam qua các thời kỳ	3	2	15	CLO1 CLO 2	Thuyết giảng	[1], [4] [5]	Đọc chương 1 giáo trình chính
2	Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 1.1. Quyền tác giả 1.2. Quyền liên quan	13	3	35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Thảo luận nhóm	[1]; [2];[4] [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp	15	3	40	CLO1 CLO2	Thuyết giảng	[1]; [2]; [3]; [4];	Đọc chương 3

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp 2.1.1. Sáng chế và giải pháp hữu ích 2.1.2. Kiểu dáng công nghiệp 2.1.3. Nhãn hiệu 2.1.4. Tên thương mại 2.1.5. Chỉ dẫn địa lý				CLO3 CLO4 CLO5	Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[5].	giáo trình chính
4	Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng 1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng 1.3. Điều kiện bảo hộ 1.4. Thời hạn bảo hộ 1.5. Thủ tục đăng ký bảo hộ	3	2	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng Thảo luận.	[1]; [2]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) Trường Đại học Luật TP.HCM. 2019. Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

(2) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2021. Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ, NXB. Công an nhân dân.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(3) Trường Đại học Luật TpHCM. 2019. Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, NXB. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2]	20%
		Tự học [3]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [4]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO2			M					M		
CLO3								M	M	
CLO4			M						M	
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X		X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Tự học		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%=>90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
			(50%≤80%)		(90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Hồ Thị Thanh Trúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0909022483
Email: hotruc@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Thương mại quốc tế**

Tên học phần (tiếng Anh): **International Business Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011268

- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0

- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15

- Số giờ tự học (giờ): 105

- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật

- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2, 3 - Chương trình Chuẩn, chương trình tích hợp.

- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế, Kinh doanh quốc tế.

- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước:

+ Luật thương mại, Luật Đầu tư (đối với ngành Luật kinh tế)

+ Luật Kinh doanh (đối với ngành Kinh doanh quốc tế)

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Thương mại quốc tế là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức cơ bản về Luật thương mại quốc tế, bao gồm: các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ thương mại có sự tham gia của nhà nước và các thực thể công; các qui chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại giữa các thương nhân trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, cũng như vấn đề thanh toán trong thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Đồng thời, người học được tiếp cận với một số

tình huống trong thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế; các quan điểm và cách thức giải quyết các vấn đề phát sinh từ hoạt động thương mại quốc tế dưới góc độ pháp lý, từ đó hình thành và phát triển khả năng tư duy pháp lý, kỹ năng giải quyết vấn đề đúng pháp luật trong hoạt động ngoại thương.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn để giải thích, phân tích, đánh giá và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ thương mại quốc tế, mà trọng tâm là trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, thanh toán quốc tế và giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, đồng thời có năng lực cần thiết để thực hiện độc lập, hoặc theo nhóm các công việc có liên quan đến vận dụng pháp luật thương mại quốc tế.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức A trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những quy định cơ bản về thương mại quốc tế, các thiết chế điều chỉnh.	Kiến thức
	Phân tích được nội dung quan trọng trong hợp đồng thương mại quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế, so sánh được hợp đồng thương mại quốc tế với hợp đồng thương mại trong nước; phân tích được các ưu và nhược điểm của các phương thức thanh toán quốc tế, các hình thức giải quyết tranh chấp.	Kiến thức
CLO2	Đánh giá và lựa chọn được loại hợp đồng, phương thức thanh toán, phương thức giải quyết cho từng tình huống trên thực tế.	Kỹ năng
CLO3	Vận dụng những quy định pháp luật để giải quyết được những tình huống liên quan đến hợp đồng thương mại quốc tế, thanh toán quốc tế.	Kỹ năng
CLO4	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm
CLO5		

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Tổng quan về Luật thương mại quốc tế 1.1. Khái niệm về Thương mại quốc tế và Luật Thương mại quốc tế 1.2. Chủ thể của Luật	5		10	CLO1 CLO6	Thuyết giảng	[1]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 1 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Thương mại quốc tế 1.3. Nguồn Luật Thương mại quốc tế 1.4. Thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế							
2	Chương 2: Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực thương mại quốc tế 2.1. Các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế 2.2. Pháp luật về thương mại hàng hóa quốc tế 2.3. Pháp luật về thương mại dịch vụ quốc tế 2.4. Pháp luật về thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ 2.5. Pháp luật về thương mại liên quan đến đầu tư nước ngoài.	5		10	CLO1, CLO6.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	Chương 3: Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế 3.1 Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế 3.2 Điều kiện giao hàng INCOTERMS trong mua bán hàng hóa quốc tế 3.3. Hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế.	10	8	40	CLO2, CLO4, CLO5 CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm. Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 2. Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 3 giáo trình chính
4	Chương 4: Pháp luật về hợp đồng đầu tư quốc tế 4.1. Tổng quan về đầu tư quốc tế 4.2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh 4.3 Hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công	3	2	10	CLO2, CLO4, CLO5. CLO6	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 3. Đọc chương 5 giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	tư.							trình chính
5	Chương 5: Pháp luật về thanh toán trong thương mại quốc tế 5.1. Tổng quan về thanh toán quốc tế 5.2. Các phương tiện thanh toán thông dụng trong thương mại quốc tế 5.3. Các phương thức thanh toán thông dụng trong thương mại quốc tế. 5.4 Pháp luật quốc tế điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế 5.5 Pháp luật Việt Nam điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế	4	3	20	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4];[5]	Hoàn thành bài tập chương 4. Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 4 giáo trình chính
6	Chương 6: Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế 6.1. Tổng quan về tranh chấp thương mại quốc tế 6.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân 6.3. Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thực thể công trong khuôn khổ WTO 6.4. Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân theo quy định của Pháp luật Việt Nam 6.5 Công nhận cho thi hành hoặc không công nhận bản án, quyết định của Trọng tài; Tòa án nước ngoài.	3	2	15	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4].	Hoàn thành bài tập chương 4. Đọc chương 5 giáo trình chính.

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

+ Nhóm:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

+ Cá nhân:

- Làm các bài tập về nhà.
- Nhận chuyên đề và nộp sản phẩm.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2022. Giáo trình Luật thương mại quốc tế - Phần I, NXB. Hồng Đức.
- (2) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2022. Giáo trình Luật thương mại quốc tế - Phần II, NXB. Hồng Đức.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) Nguyễn Thị Dung – Chủ biên. 2023. Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư. NXB. Chính trị quốc gia Sự thật.
- (2) Trịnh Hải Yến. 2019. Giáo trình Luật đầu tư quốc tế. NXB. Chính trị quốc gia Sự thật.
- (3) Trường Đại học Tài chính – Marketing. 2024. Giáo trình Luật thương mại

quốc tế. Lưu hành nội bộ.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	15%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	15%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2		R								
CLO3			M							
CLO4							M			
CLO5							M			
CLO6										M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X	X			X
Thảo luận nhóm			X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề		X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X	X
Tự học			X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài..	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0-3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
----------	--------	-----------------------

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Trần Văn Bình

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Trần Văn Bình	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0918306223
Email: tranbinh@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính**

Tên học phần (tiếng Anh): **Law on business of financial services**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011810
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật doanh nghiệp, Luật thương mại

Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về 05 nội dung cơ bản: pháp luật về các tổ chức tín dụng; pháp luật về hoạt động kinh doanh tín dụng; khái quát chung về chứng khoán và thị trường chứng khoán; pháp luật về hoạt động kinh doanh chứng khoán; pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán. Bên cạnh cung cấp các kiến thức pháp lý (lý thuyết), học phần tập trung vận dụng vào thực tiễn những quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh các dịch vụ tài chính thông qua các bài tập tình huống giả định hoặc các tình huống pháp lý thực tế (thực hành).

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng khai thác, sử dụng các văn bản pháp luật liên quan đến tín dụng và chứng khoán trong tư vấn hoạt động cấp tín dụng, kinh doanh chứng khoán; đồng thời, có quan điểm đúng đắn, khách quan, góp phần hoàn thiện chính sách tín dụng và chứng khoán tại Việt Nam.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích được các quy định pháp luật về tổ chức, hoạt động của các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh doanh chứng khoán	Kiến thức
CLO2	Phân tích và đánh giá cơ chế áp dụng đối với mỗi hoạt động kinh doanh riêng biệt (tín dụng và chứng khoán)	Kiến thức
CLO3	Làm được các bài tập về khả năng nhận diện và xử lý được các hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực tín dụng và chứng khoán	Kỹ năng
CLO4	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Pháp luật về các Tổ chức tín dụng 1.1 Những vấn đề cơ bản Luật ngân hàng 1.2.Địa vị pháp lý của các Tổ chức tín dụng 1.2.1.Ngân hàng 1.2.2.Tổ chức tín dụng phi ngân hàng 1.2.3.Tổ chức tài chính vi mô 1.2.4.Quỹ tín dụng nhân dân	5		10	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1,2,3 Giáo trình [1] Luật Tổ chức tín dụng 2024
2	Chương 2. Pháp luật về hoạt động	4	1	12	CLO2; CLO3;	Thuyết giảng;	[1]; [2]; [3]; [4];	Làm bài tập Chương 1

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	kinh doanh tín dụng 2.1.Khái niệm tín dụng và kinh doanh tín dụng 2.2.Đặc điểm, vai trò của Tín dụng 2.3.Hoạt động kinh doanh Tín dụng 2.3.Lãi suất 2.4.Quỹ tín dụng				CLO4.	Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[5].	Đọc chương 4,5,6,7,8 Giáo trình [1] Luật Tổ chức tín dụng 2024
3	Chương 3. Hợp đồng Tín dụng 3.1.Khái niệm hợp đồng tín dụng 3.2.Đặc điểm 3.3.Phân loại 3.4.Hình thức hợp đồng tín dụng 3.5.Nội dung hợp đồng tín dụng 3.6.Pháp luật về lãi suất và án lệ số 8 về lãi suất vay quá hạn của hợp đồng tín dụng 3.7.Hợp đồng tín dụng vô hiệu và hậu quả pháp lý Thực hành soạn hợp đồng tín dụng	5	5	23	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 2 Đọc chương 4,5,6,7,8 Giáo trình [1] Luật Tổ chức tín dụng 2024
4	Chương 4. Khái quát chung về chứng khoán và chào bán chứng khoán 4.1.Khái quát chung về chứng khoán 4.1.1.Khái niệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán 4.1.2.Khái niệm luật chứng khoán	4	1	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 3 Đọc chương 1,2 Giáo trình [2] Luật Chứng khoán 2019

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	4.2. Pháp luật về chào bán chứng khoán 4.2.1. Khái niệm về chào bán chứng khoán 4.2.2. Nội dung pháp luật chào bán chứng khoán ra công chúng 4.2.3. Nội dung pháp luật chào bán riêng lẻ							
5	Chương 5. Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán 5.1 Pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch tập trung 5.2. Thị trường phi tập trung và pháp luật về thị trường giao dịch phi tập trung	3	2	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 4 Độc chương 3 Giáo trình [2] Luật Chứng khoán 2019
6	Chương 6. Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán 6.1. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán 6.2 Pháp luật về công ti quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát 6.3. Pháp luật về tổ chức lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán	3	2	12	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 5 Độc chương 4,5,6 Giáo trình [2] Luật Chứng khoán 2019
7	Chương 7. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán 7.1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh chứng khoán	3	2	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 6 Độc chương 8 Giáo trình [2]

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	7.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán					hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề		Luật Chứng khoán 2019
8	Chương 8. Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán 8.1 Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước đối với chứng khoán và thị trường chứng khoán 8.2. Pháp luật quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán 8.3. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán 8.4. Tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán	3	2	12	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 7 Đọc chương 9,10 Giáo trình [2] Luật Chứng khoán 2019 Bộ luật hình sự 2015

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình [1] [2] Luật Tổ chức tín dụng 2024 Luật Chứng khoán 2019 Bộ luật hình sự 2015
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình [1] [2] Luật Tổ chức tín dụng 2024 Luật Chứng khoán 2019 Bộ luật hình sự 2015
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình [1] [2] Luật Tổ chức tín dụng 2024 Luật Chứng khoán 2019 Bộ luật hình sự 2015

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Giáo trình [1] [2] Luật Tổ chức tín dụng 2024 Luật Chứng khoán 2019 Bộ luật hình sự 2015 Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình [1] [2] và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam, NXB. Chính trị quốc gia.

[2] Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật chứng khoán, NXB. Công an nhân dân.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

[1] Quốc hội. 2015. Bộ luật hình sự 2015.

[2] Quốc hội. 2019. Luật Chứng khoán 2019.

[3] Quốc hội. 2024. Luật Tổ chức tín dụng 2024.

[4] TS. Phan Phương Nam. 2022. Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty chứng khoán, NXB. Chính trị quốc gia sự thật.

[5] GS. Nguyễn Văn Tiến. 2014. Giáo trình Tín dụng, ngân hàng, NXB. Thống kê.

- Tiếng Anh : Không

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành

cáo chuyên đề		
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	35%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
CLO1			R							
CLO2			M							
CLO3								M		
CLO4									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X
Thực hành tại lớp			X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X
Bài tập tự học			X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Báo cáo chuyên đề/Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi	Đạt 4 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
	(8.5-10)	

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Thái Thị Tường Vi

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Thái Thị Tường Vi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	Điện thoại liên hệ: 0983921433
Email: thaivi@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: 0983921433	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH – MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật cạnh tranh**

Tên học phần (tiếng Anh): **Competition Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011876
- Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 30 Lý thuyết: 20 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 70
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☐						
		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☐			Ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Cạnh tranh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về những nội dung sau: lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền; pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế; pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến pháp luật về cạnh tranh, có ý thức cạnh tranh lành mạnh, khách quan đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thương trường.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R, M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực cạnh tranh và pháp luật về cạnh tranh	Kiến thức
CLO2	Diễn giải được quy định pháp luật và và phân loại được các hành vi sau: hành vi cạnh tranh không lành mạnh, hành vi hạn chế cạnh tranh	Kiến thức
CLO3	Phân biệt được quy định về thủ tục tố tụng cạnh tranh và thủ tục tố tụng khác, các biện pháp xử lý vi phạm	Kiến thức
CLO4	Phân tích tình huống và vận dụng các quy định pháp luật phù hợp để giải quyết tình huống về cạnh tranh	Kỹ năng
CLO5	Xây dựng tư duy pháp lý và bảo vệ được quan điểm trong việc giải quyết tình huống pháp lý liên quan	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1.1. Khái quát về cạnh tranh 1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cạnh tranh 1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh	2		5	CLO1	Thuyết giảng	[1] [2]	Đọc Chương 1 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
2	Chương 2. Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh 2.1. Xác định thị trường liên quan 2.2. Sức mạnh thị trường	2		5	CLO2 CLO4	Thuyết giảng - Báo cáo chuyên đề	[1] [2] [3] [5]	Đọc Chương 2 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
3	Chương 3. Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận	4	2	10	CLO2 CLO4	Thuyết giảng	[1] [2]	Đọc Chương

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	hạn chế cạnh tranh 3.1. Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh 3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam				CLO5	- Báo cáo chuyên đề	[3] [4] [5]	3 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
4	Chương 4. Pháp luật về kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền 4.1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền 4.2. Quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo Luật cạnh tranh Việt Nam	3	3	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng - Báo cáo chuyên đề	[1] [2] [3] [4] [5]	Độc Chương 4 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
5	Chương 5. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế 5.1. Khái quát về tập trung kinh tế 5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh Việt Nam	4	2	12	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng - Báo cáo chuyên đề	[1] [2] [3] [4] [5]	Độc Chương 5 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
6	Chương 6. Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh 6.1. Khái quát về cạnh tranh không lành mạnh 6.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hình thức xử lý	3	3	15	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng - Báo cáo chuyên đề	[1] [2] [3] [4] [5]	Độc Chương 6 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo
7	Chương 7. Tổ tụng cạnh tranh và xử lý vi	2		10	CLO3 CLO4	Thuyết giảng	[1] [2]	Độc Chương

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	phạm pháp luật cạnh tranh 7.1. Tổ tụng cạnh tranh 7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh				CLO5	- Báo cáo chuyên đề	[3] [4] [5]	7 Giáo trình chính, Chuẩn bị theo yêu cầu của Báo cáo

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe Đặt câu hỏi – trả lời Làm bài tập vận dụng	Bài giảng Giáo trình chính
2	Báo cáo chuyên đề	Phân chia nhóm Báo cáo theo chuyên đề/hồ sơ vụ việc Trao đổi – tranh luận	Chuyên đề/hồ sơ Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

TT	Hoạt động	Phương pháp học tập
1	Tự nghiên cứu	Đọc và nghiên cứu tài liệu Chuẩn bị nội dung theo bài giảng
2	Báo cáo cá nhân	Nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị Báo cáo cá nhân theo yêu cầu

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy.

(1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2020. Giáo trình Luật cạnh tranh, NXB. Công an nhân dân.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

(2) Trường Đại học Luật Tp.HCM. 2020. Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Tìm tài liệu và nghiên cứu tài liệu	Bài kiểm tra nhanh	Bài kiểm tra
Chuẩn bị bài báo cáo cá nhân	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo Trả lời câu hỏi Khả năng tranh luận	Bài báo cáo chuyên đề

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Bài kiểm tra nhanh [2]	5%
		Báo cáo cá nhân [3]	5%
		Báo cáo chuyên đề [4]	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [5]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [5]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích CĐR học phần đáp ứng CĐR ngành đào tạo

CLOs	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3			R							
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng CĐR học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
[1] Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		
[2] Bài kiểm tra		X	X	X	
[3] Báo cáo cá nhân	X	X	X		
[4] Báo cáo chuyên đề		X	X	X	X
[5] Trắc nghiệm, tự luận		X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng	10 điểm
Vắng học: < 25%	7,6-9,9 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 50%	5-7,5 điểm
Vắng học: từ 50% đến < 75%	2,5-4,9 điểm
Vắng học: từ 75%	0-3 điểm
Vắng học: 90%	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm Bài kiểm tra nhanh

Tỷ lệ Đúng và tham gia	100%	80-99%	60-79%	40-59%	20-39%	10-19%	Dưới 10	0
100%	10	8	6	4	2	1	0,5	0
80-99%	8	6,4	4,8	2,4	1,6	0,8	0,4	0
60-79%	6	4,8	3,6	2,4	1,2	0,6	0,3	0
40-59%	4	2,4	2,4	1,6	0,8	0,4	0,2	0
20-39%	2	1,6	1,2	0,8	0,4	0,2	0,1	0
10-19%	1	0,8	0,6	0,4	0,2	0,1	0,05	0
Dưới 10	0,5	0,4	0,3	0,2	0,1	0,05	0,025	0
0	0,25	0,2	0,15	0,1	0,05	0,025	0	0

10.3. Đánh giá điểm bài báo cáo cá nhân

Số bài tập tự học được giao hoàn thành	Mức cho điểm
100%	10 điểm
80% đến dưới 100%	8-9,9 điểm
60% đến dưới 80%	6-7,9 điểm
40% đến dưới 60%	4-5,9 điểm
20% đến dưới 40%	2-3,9 điểm
Dưới 20%	0-1,9 điểm

10.4. Điểm đánh giá và Rubric: Báo cáo chuyên đề

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Chọn đúng dưới 40% số câu hỏi	Chọn đúng từ 40% đến dưới 55% số câu hỏi	Chọn đúng từ 55% đến dưới 70% số câu hỏi	Chọn đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi	Chọn đúng trên 85% số câu hỏi
Giả định các câu hỏi có mức điểm như nhau					
Nội dung tự luận	Làm đúng dưới 40% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 40% đến dưới 55% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 55% đến dưới 70% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng trên 85% yêu cầu của câu hỏi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

Tô Thị Đông Hà

Nguyễn Thị Hương Thảo

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Dân sự

Tên học phần (tiếng Anh): Civil Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011808
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☒		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bổ trợ	Bắt buộc	Tự chọn
	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Dân sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức chung về Luật Dân sự, quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định cơ bản của Luật Dân sự (như giao dịch dân sự, đại diện, tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, thừa kế, nghĩa vụ và hợp đồng dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng).

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các quy phạm pháp luật dân sự để giải quyết tình huống; từ đó, người học có thái độ tôn trọng pháp luật dân sự, phân biệt đúng/sai khi tiếp cận các thông tin, vấn đề và tình huống pháp lý về dân sự.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

(Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R, M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những kiến thức pháp lý về những vấn đề lý luận chung về Luật Dân sự, giao dịch dân sự, giám hộ, đại diện, thời hạn, thời hiệu, tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, thừa kế, nghĩa vụ dân sự các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.	Kiến thức
CLO2	Xác định tư cách pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật Dân sự, giải thích điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, xác định và phân loại tài sản; nhận biết quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; xác định trường hợp thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật; xác định nghĩa vụ Dân sự; giải thích các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng; xác định trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Kiến thức
CLO3	Hiểu và phân tích được các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, thừa kế, hợp đồng dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Kiến thức
CLO4	Vận dụng các kiến thức được quy định của pháp luật Dân sự đã học vào việc giải quyết tình huống cụ thể phát sinh trên thực tế liên quan đến các chế định pháp luật dân sự đã được tiếp cận trong môn học; Hình thành và phát triển kỹ năng tra cứu và sử dụng văn bản quy phạm pháp luật về dân sự, kỹ năng tranh luận, phản biện các vấn đề pháp lý.	Kỹ năng
CLO5	Tôn trọng pháp luật dân sự, tôn trọng tính bình đẳng và tự do ý chí của các chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự; Khách quan trong đánh giá và vận dụng các quy định pháp luật vào tình huống cụ thể thể hiện tư cách đạo đức, chuẩn mực trong hoạt động nghề nghiệp.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật Dân sự 1.1. Khái niệm Luật Dân sự	3	0	10	CLO1	Thuyết giảng.	[1],[4]; [5].	Đọc chương I giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự 1.3. Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự Việt Nam 1.4. Nguồn của Luật Dân sự 1.5. Sơ lược lịch sử phát triển của pháp luật dân sự Việt Nam							trình chính (tập 1)
2	Chương 2: Quan hệ pháp luật Dân sự 2.1. Khái niệm và đặc điểm của QHPLDS 2.2. Thành phần của QHPLDS 2.2.1 Chủ thể quan hệ pháp luật Dân sự 2.2.2. Khách thể của quan hệ pháp luật dân sự 2.2.3. Nội dung của quan hệ pháp luật dân sự	4	1	10	CLO1 CLO2	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1];[2]; [3];[4] [5].	Đọc chương II, III, IV giáo trình chính (tập 1)
3	Chương 3: Giao dịch Dân sự - Đại diện – Thời hạn – Thời hiệu 3.1. Giao dịch dân sự 3.2. Đại diện 3.3. Thời hạn 3.4. Thời hiệu	2	1	10	CLO2C LO3 CLO4	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3];[4] [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VI, VII, giáo trình chính (Tập 1)
4	Chương 4: Tài sản; Quyền sở hữu; Quyền khác đối với tài sản 4.1. Tài sản 4.2. Quyền sở hữu 4.2.1. Khái niệm quyền sở hữu	4	2	15	CLO2C LO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm	[1]; [2]; [3];[4] [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương V, XIII

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	4.2.2. Nội dung quyền sở hữu 4.2.3. Căn cứ xác lập quyền sở hữu 4.2.4. Căn cứ chấm dứt quyền sở hữu 4.3. Quyền khác đối với tài sản 4.3.1. Quyền đối với bất động sản liền kề 4.3.2. Quyền hưởng dụng 4.3.3. Quyền bề mặt 4.4. Bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản					báo cáo chuyên đề).		giáo trình chính (Tập 1)
5	Chương 5: Thừa kế 5.1. Khái niệm thừa kế, quyền thừa kế 5.2. Pháp luật thừa kế qua các thời kỳ 5.3. Nguyên tắc trong pháp luật thừa kế 5.4. Những quy định chung về thừa kế 5.5 Thừa kế theo di chúc 5.6. Thừa kế theo pháp luật 5.7. Thanh toán và phân chia di sản	5	3	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương XIV giáo trình chính
6	Chương 6: Nghĩa vụ Dân sự 6.1. Khái niệm và đặc điểm 6.2. Căn cứ phát sinh, chấm dứt nghĩa vụ dân sự 6.3. Quan hệ pháp luật về nghĩa vụ 6.4. Phân loại nghĩa vụ dân sự 6.5. Thực hiện nghĩa vụ dân sự 6.6. Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ	3	3	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VI giáo trình chính (tập 2)

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	6.7. Chuyển giao yêu cầu và chuyển giao nghĩa vụ dân sự 6.8. Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ							
7	Chương 7: Hợp đồng Dân sự 7.1. Khái niệm, bản chất và phân loại hợp đồng dân sự 7.2. Các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng 7.3. Nội dung và hình thức hợp đồng 7.4. Giao kết hợp đồng 7.5. Hiệu lực của hợp đồng, Hợp đồng vô hiệu và hậu quả pháp lý 7.6. Thực hiện, sửa đổi, tạm ngừng, đình chỉ, hủy, chấm dứt hợp đồng 7.7. Một số hợp đồng dân sự cụ thể 7.8. Trách nhiệm dân sự do vi phạm hợp đồng	5	3	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VII giáo trình chính (tập 2)
8	Chương 8: Trách nhiệm Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 8.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa 8.2. Căn cứ phát sinh 8.3. Các trường hợp loại trừ 8.4. Các nguyên tắc bồi thường thiệt hại và các loại trách nhiệm 8.5. Hình thức và phương thức bồi thường	4	2	15	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)n.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VIII giáo trình chính (tập 2)

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Bài giảng
2	Thảo luận nhóm	Phân chi nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận	Các vấn đề, câu hỏi
3	Báo cáo bài tập nhóm	Phân chia bài tập, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo đúng nội dung và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

- 1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 1, NXB. Tư pháp Hà Nội.
- 2) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam tập 2, NXB. Tư pháp Hà Nội.

Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Sách

- 1) Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh. 2019. Giáo trình Những quy định chung về Luật Dân sự (tái bản lần 1, có sửa đổi, bổ sung), NXB Hồng Đức Hội Luật gia Việt Nam.

- ### 8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Tìm tài liệu và nghiên cứu tài liệu	Bài kiểm tra	Bài kiểm tra
Chuẩn bị bài báo cáo	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo
Chuẩn bị bài cáo cáo chuyên đề (theo nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm[2]	5%
		Báo cáo cá nhân[3]	10%
		Báo cáo chuyên đề [4]	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Nhận định, tự luận[5]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Nhận định, tự luận [5]	50%

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

[illegible]

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm				X	X
Báo cáo chuyên đề			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	X	X	X			
Trắc nghiệm [2]	X	X	X	X	X	
Bài báo cáo cá nhân (Tự học) [3]		X	X	X	X	X
Bài báo cáo chuyên đề [4]		X	X	X	X	X
Bài nhận định, tự luận [5]	X	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
------------------	--	--	---	---	---

10.3 Đánh giá bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Đánh giá phương pháp nhận định, tự luận (Bài kiểm tra giữa kỳ, Bài thi cuối kỳ)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung nhận định	Trả lời đúng dưới 40% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 40% đến dưới 55% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 55% đến dưới 70% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi	Trả lời đúng trên 85% số câu hỏi
	Giả định các câu hỏi có mức điểm như nhau				
Nội dung tự luận	Làm đúng	Làm đúng từ	Làm đúng từ 55% đến	Làm đúng từ 70% đến	Làm đúng trên 85% yêu

	dưới 40% yêu cầu của câu hỏi	40% đến dưới 55% yêu cầu của câu hỏi	dưới 70% yêu cầu của câu hỏi	dưới 85% yêu cầu của câu hỏi	cầu của câu hỏi
--	---------------------------------------	--	------------------------------------	------------------------------------	--------------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn






PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Ngô Thị Duyên

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Ngô Thị Duyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907002379
Email: ngoduyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật đầu tư

Tên học phần (tiếng Anh): Law on Investment

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011248
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2, 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật dân sự, Luật thương mại, Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính.

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Đầu tư là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về đầu tư và pháp luật đầu tư, các chính sách đầu tư như ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; các hình thức đầu tư trong nước, thủ tục đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư và triển khai dự án đầu tư trong nước; giải quyết tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư trong nước; nguồn pháp luật về hoạt động đầu tư quốc tế, đầu tư công và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp liên quan đến đầu tư quốc tế và đầu tư công.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng đánh giá được những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư trong nước Việt Nam, hoạt động đầu tư quốc tế và đầu tư công.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các quy định pháp luật về đầu tư trong nước, đầu tư công và đầu tư quốc tế.	Kiến thức
CLO2	Hiểu và phân biệt được các hình thức đầu tư trong nước, đầu tư quốc tế.	Kiến thức
CLO3	Nhận diện được các vấn đề pháp lý, các rủi ro liên quan đến các dự án đầu tư, phân tích các vấn đề pháp lý, từ đó đề xuất hoàn thiện pháp luật.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng được những quy định pháp luật trong các tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai vận hành dự án đầu tư.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Những vấn đề chung về đầu tư và Luật đầu tư. 1.1. Khái quát về đầu tư. 1.2. Khái quát về Luật đầu tư.	5		10	CLO1 CLO5	Thuyết giảng.	[1],[3]; [4],[5].	Đọc chương 1 giáo trình chính
2	Chương 2: Pháp luật về thủ tục đầu tư. 2.1. Khái niệm, phân loại thủ tục đầu tư.	4		20	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm, hoạt	[1]; [2],[3] [4], [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 2 giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	2.2. Nội dung cơ bản của quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư.					động nhóm (trình bày chuyên đề), soạn thảo hồ sơ.		trình chính
3	Chương 3: Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư. 3.1. Bảo đảm đầu tư. 3.2. Ưu đãi đầu tư. 3.3. Hỗ trợ đầu tư.	4	2	14	CLO2 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 2. Đọc chương 3 giáo trình chính
4	Chương 4: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng. 4.1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC). 4.2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT.	4	3	17	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề).	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 3 Đọc chương 4 giáo trình chính
	Chương 5: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế.	3	2	12	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 4

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
5	5.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của các khu kinh tế đặc biệt (Khu CN, Khu KT, Khu CX và khu công nghệ cao). 5.2. Những quy định cơ bản về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt.							Đọc chương 5 giáo trình chính.
		5	3	19	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 5 Đọc chương 6, 8 giáo trình chính
6	Chương 6: Pháp luật về đầu tư quốc tế. 6.1. Khái niệm. 6.2. Bảo hộ quốc gia về đầu tư quốc tế. 6.3. Các hình thức đầu tư quốc tế.							
7	Chương 7: Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư. 7.1. Giải quyết tranh chấp đầu tư trong nước. 7.2. Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.	5	5	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 6 Đọc giáo trình chính.

6) Phương pháp dạy – học

6.1 Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

+ Nhóm:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

+ Cá nhân:

- Làm các bài tập về nhà.
- Nhận chuyên đề và nộp sản phẩm.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

(1) ĐH Luật Hà Nội. 2022. Giáo trình Luật đầu tư, NXB Tư pháp.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1) ĐH Luật Hà Nội. 2017. Giáo trình Luật đầu tư quốc tế (song ngữ), NXB Thanh niên.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Soạn hồ sơ (cá nhân)	Chấm điểm hợp đồng	Hợp đồng hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	15%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	15%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4] Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

[illegible]

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			X
Thảo luận nhóm			X	X	X
Báo cáo chuyên đề		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X
Tự học			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
nghiệm	thức cơ bản	cơ bản	cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	cơ bản và khó (80%≤90%)	cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng... năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Kinh Thị Tuyết

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Kinh Thị Tuyết	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trường ĐH Tài Chính-Marketing - 778 Nguyễn Kiệm -Phường 4 - Q. Phú Nhuận- TP HCM	Điện thoại liên hệ: 0388943889
Email: kt.tuyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Thương mại

Tên học phần (tiếng Anh): Commercial Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011812
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 35 Thực hành: 10
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bổ trợ	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Luật Doanh nghiệp
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Thương mại là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức cơ bản về thương nhân và các hành vi thương mại; quy chế pháp lý về giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại; các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại phi toà án như: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng được kiến thức pháp lý liên quan đến việc thành lập và hoạt động của thương nhân; đánh giá, lựa chọn mô hình pháp lý phù hợp để hoạt động kinh doanh thương mại; thực hiện và tư vấn về các hoạt động thương mại cụ thể, phổ biến như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trung gian thương mại và xúc tiến thương mại. Người học cũng có khả năng vận dụng quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại để có thể tự mình thực hiện hoặc tư vấn cho các thương nhân; có ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật khi tham gia các hoạt động thương mại.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R, M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu và phân tích được quy định của pháp luật hiện hành về: địa vị pháp lý của các thương nhân, đặc điểm pháp lý của các hợp đồng thương mại: so sánh những quy định pháp luật về các biện pháp chế tài khi vi phạm hợp đồng theo Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại.	Kiến thức
CLO2	Phân tích và so sánh được các quy định pháp luật có liên quan đến các vấn đề phức tạp trong hoạt động thương mại như: quy chế thành lập, hoạt động của thương nhân, hợp đồng thương mại, phá sản và giải quyết tranh chấp thương mại.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý liên quan đến hoạt động thương mại.	Kỹ năng
CLO4	Có khả năng phân tích các tình huống pháp lý và lựa chọn giải pháp phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Thương mại và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.	Kỹ năng
CLO5	Có ý thức và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, chịu trách nhiệm về các quyết định và kết quả công việc của mình; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong hoạt động thương mại.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Những vấn đề chung về Luật thương mại Việt Nam 1.1. Khái lược sự hình thành và phát triển của Luật Thương mại 1.2. Khái niệm và nội dung của Luật Thương mại Việt Nam 1.3. Chủ thể của Luật Thương mại 1.4. Mối quan hệ giữa Luật thương mại, Luật dân sự và Luật Thương mại quốc tế	5		10	CLO 1	Thuyết giảng	[1]; [3]	Đọc chương 1 giáo trình Luật Thương mại I;

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	1.5.Nguồn cơ bản của Luật Thương mại Việt Nam							
2	Chương 2: Thương nhân và hành vi thương mại 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hành vi thương mại 2.2. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của thương nhân 2.3. Các loại thương nhân 2.4. Chế độ trách nhiệm tài sản của thương nhân và chủ sở hữu thương nhân 2.5. Quyền cơ bản của thương nhân	5		10	CLO 1; CLO 2; CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 giáo trình Luật Thương mại I; Đọc quy định pháp luật về thương nhân tại Luật Thương mại 2005
3	Chương 3: Quy chế pháp lý về các loại thương nhân 3.1. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức doanh nghiệp 3.2. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức Hộ kinh doanh 3.3. Quy chế pháp lý của thương nhân dưới hình thức hợp tác xã	5		15	CLO 1 CLO 2; CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 7 giáo trình Luật Thương mại I; Đọc quy định pháp luật về thương nhân tại Luật Thương mại 2005; Đọc quy định pháp luật về Hộ Kinh doanh tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp; Đọc quy định về hợp tác xã tại Luật Hợp tác xã 2023 và văn bản hướng dẫn thi hành
	Chương 4: Pháp luật về phá sản	3	2	15	CLO 2;	Thuyết giảng;	[1]; [2]; [3]; [4];	Làm bài tập chương 3
4	4.1. Khái quát về phá sản và pháp luật phá sản 4.2. Chủ thể tham gia quá trình giải quyết yêu cầu phá sản 4.3. Trình tự giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã 4.4. Trình tự giải quyết yêu cầu phá sản trong các trường hợp đặc biệt				CLO 3; CLO 4.	Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[5].	Đọc chương 13 giáo trình Luật thương mại I; Đọc Luật phá sản 2014
5	Chương 5: Pháp luật về hợp đồng kinh doanh thương mại 5.1. Những vấn đề chung về hợp đồng kinh doanh thương mại 5.2. Quy chế pháp lý về giao kết và hiệu lực của hợp đồng kinh doanh thương mại 5.3. Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng kinh doanh	5		10	CLO 1; CLO 2 CLO 3; CLO 4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 4; Đọc quy định pháp luật về hợp đồng tại văn Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	thương mại							
6	Chương 6: Quy chế pháp lý về hoạt động thương mại 6.1. Hoạt động mua bán hàng hoá 6.2. Các hoạt động cung ứng dịch vụ thương mại 6.3. Các hoạt động xúc tiến thương mại	6	4	25	CLO 2; CLO 3; CLO 4; CLO 5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 5 Đọc chương 1,2,3,4 giáo trình Luật thương mại 2
7	Chương 7: Chế tài trong hoạt động thương mại 7.1. Khái niệm chế tài trong thương mại 7.2. Căn cứ và điều kiện áp dụng chế tài trong thương mại 7.3. Các loại chế tài trong thương mại 7.4. Miễn áp dụng các hình thức chế tài	5		10	CLO 2; CLO 3; CLO 4; CLO 5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 6 Đọc chương 13 giáo trình Luật Thương mại I

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	Chương 8: Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại 8.1. Khái niệm, đặc điểm của tranh chấp thương mại 8.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại 8.3. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại	3	2	10	CLO 2; CLO 3; CLO 4; CLO 5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 7 Đọc chương 11,12 giáo trình Luật thương mại II; Đọc Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật Trọng tài thương mại 2014

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính; Luật thương mại 2005; Luật Hợp tác xã 2023; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm,	Chủ đề thảo luận; Giáo trình chính;

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
		trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Hợp tác xã 2023 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp;

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Giáo trình chính; Luật thương mại 2005; Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Luật Doanh nghiệp 2020; Luật Hợp tác xã 2023 Luật Phá sản 2014 và văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Trọng tài Thương mại 2010; Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 01/2021/NĐ- CP về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT về đăng ký doanh nghiệp; Tình huống giả định

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Đại học Luật Hà Nội. 2020. Giáo trình Luật Thương mại tập I, tập II, NXB Tư pháp.
- (2) Các văn bản quy phạm pháp luật:
 - Quốc hội, Luật Doanh nghiệp năm 2020
 - Quốc hội, Luật Hợp tác xã năm 2023
 - Quốc hội, Luật Phá sản năm 2014
 - Quốc hội, Luật Thương mại 2005
 - Quốc hội, Bộ luật Dân sự 2015
 - Quốc hội, Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015
 - Quốc hội, Luật Trọng tài thương mại 2010
 - Chính phủ, Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
 - Chính phủ, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề thanh lý, quản lý tài sản
 - Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 26/8/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Phá sản
 - Bộ kế hoạch và Đầu tư, Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 về đăng ký doanh nghiệp

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Đại học Luật TP Hồ Chí Minh. 2023. Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh, NXB Hồng Đức
- (2) Đại học Luật TP Hồ Chí Minh. 2020. Giáo trình Pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, NXB Hồng Đức.
- (3) Nguyễn Thị Dung. 2020. Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư- Những vấn đề pháp lý cơ bản, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	40%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3								M		
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X		X	X
Thảo luận nhóm	X		X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Thực hành tại lớp		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X		X	X	X
Bài tập tự học		X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X		X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7- 9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0-3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7- 9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0-3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Nguyễn Thị Thái Thuận

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thái Thuận	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0983819282
Email: nguyenthuan@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	